HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 162/NQ-HĐND	*Nha Trang, ngày 19 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2014/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết của HĐND thành phố số 168/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021 – 2025 (chính thức);

Theo đề nghị của UBND thành phố Nha Trang tại Tờ trình số 10112/TTr-UBND ngày 01/12 /2023 điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021 – 2025; Báo cáo thẩm tra số 296 /BC-HĐND ngày 12/12/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 theo phụ lục 1, 2, 3 đính kèm:

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/12/2023./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND thành phố;
- Văn phòng HĐND & UBND thành phố;
- Phòng TC-KH; QLĐT; Kinh tế;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Trung tâm Công báo Khánh Hòa;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Sinh

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 162 /NQ-HĐND ngày 19 /12/2023 của HĐND thành phố Nha Trang)

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 24/12/2021)	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 (sau điều chỉnh)	*Trong đó:*			
					Đã thực hiện 2021-2023			Năm 2024 - 2025
					Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	
A	B	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7
	Tổng cộng	**2.800.000**		**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**
I	**Nguồn vốn tỉnh phân cấp**	**2.052.142**	**-309.656**	**1.742.486**	**224.054**	**314.736**	**315.536**	**888.160**
1	**Nguồn Vốn XDCB tập trung**	**576.878**		**576.878**	**13.381**	**102.336**	**102.336**	**358.825**
-	Phân cấp ngân sách xã	60.890	-5.954	54.936	6.224	12.178	12.178	24.356
-	Ngân sách thành phố quản lý	515.988	5.954	521.942	7.157	90.158	90.158	334.469
2	**Nguồn Vốn thu tiền SDĐ**	**1.475.264**	**-336.306**	**1.138.958**	**210.673**	**212.400**	**213.200**	**502.685**
-	Phân cấp ngân sách xã		102.180	102.180			31.980	70.200
-	Ngân sách thành phố quản lý	1.475.264	-438.486	1.036.778	210.673	212.400	181.220	432.485
3	**Nguồn 10% tiền Sử dụng đất**		**26.650**	**26.650**				**26.650**
II	**Nguồn vốn tỉnh bổ sung**		**49.464**	**49.464**				**49.464**
III	**Nguồn thu tiền SDĐ các năm**	**697.858**	**82.864**	**780.722**	**44.000**	**13.545**	**65.505**	**657.672**
IV	**Nguồn tăng thu tiền SDĐ năm 2022 (gồm 10%)**		**177.328**	**177.328**				**177.328**
V	**Nguồn đóng góp**	**50.000**		**50.000**				**50.000**

PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND thành phố Nha Trang)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó: Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó: Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu	Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023: Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Kế hoạch: Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
A	**VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH XÃ**				**60.890**	**60.890**			**60.890**	**-5.954**			**-5.954**	**54.936**			**54.936**	**54.936**					**54.936**	**6.224**	**12.178**	**12.178**	**24.356**	
1	Xã Vĩnh Lương				6.036	6.036			6.036					6.036			6.036	6.036					6.036		1.509	1.509	3.018	
2	Xã Vĩnh Phương				7.203	7.203			7.203					7.203			7.203	7.203					7.203	1.167	1.509	1.509	3.018	
3	Xã Vĩnh Ngọc				8.733	8.733			8.733					8.733			8.733	8.733					8.733	1.493	1.810	1.810	3.620	
4	Xã Vĩnh Thạnh				7.788	7.788			7.788					7.788			7.788	7.788					7.788	548	1.810	1.810	3.620	
5	Xã Vĩnh Trung				6.291	6.291			6.291					6.291			6.291	6.291					6.291	223	1.517	1.517	3.034	
6	Xã Vĩnh Hiệp				6.285	6.285			6.285					6.285			6.285	6.285					6.285	1.257	1.257	1.257	2.514	
7	Xã Vĩnh Thái				6.224	6.224			6.224					6.224			6.224	6.224					6.224	1.196	1.257	1.257	2.514	
8	Xã Phước Đồng				6.376	6.376			6.376					6.376			6.376	6.376					6.376	340	1.509	1.509	3.018	
9	Vốn chưa phân bổ				5.954	5.954			5.954	-5.954			-5.954															
B	**VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUẢN LÝ (I+II+III)**				**3.463.395**	**2.901.730**	**70.000**	**92.620**	**2.739.110**	**-51.525**		**-57.479**	**5.954**	**2.850.205**	**70.000**	**35.141**	**2.745.064**	**1.687.550**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.745.064**	**261.830**	**316.103**	**368.863**	**1.798.268**	
I	**Công trình chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang**				**311.524**	**189.455**			**189.455**	**-130.500**			**-130.500**	**58.955**			**58.955**	**56.274**	**2.681**				**58.955**	**26.996**	**21.059**	**4.900**	**6.000**	
1	**Giao thông**				**30.356**	**17.682**			**17.682**	**3.054**			**3.054**	**20.736**			**20.736**	**20.736**					**20.736**	**6.018**	**9.818**	**4.900**		
1	Đường Trường Sơn (Võ Thị Sáu – Trường Sơn)	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	QĐ 2020; 19/7/2019	5.500	3.928			3.928	604			604	4.532			4.532	4.532					4.532	1.128	3.404			
2	Nâng cấp đường Đô Lương	Phường Phước Hòa	UBND phường Phước Hòa	QĐ 4497; 14/10/2016	900	900			900					900			900	900					900	900				
3	Cầu Ngọc Thảo	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	QĐ 4508 05/11/2018	23.956	12.854			12.854	2.450			2.450	15.304			15.304	15.304					15.304	3.990	6.414	4.900		
2	**Cấp nước, thoát nước**				**8.000**	**4.183**			**4.183**					**4.183**			**4.183**	**4.183**					**4.183**	**4.183**				
4	Hệ thống đấu nối nước thải cấp 3 năm 2020	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	QĐ 1630 17/6/2020	8.000	4.183			4.183					4.183			4.183	4.183					4.183	4.183				
3	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội**				**49.571**	**48.331**			**48.331**	**-42.000**			**-42.000**	**6.331**			**6.331**	**6.331**					**6.331**	**331**			**6.000**	
5	Trụ sở UBND phường Phước Hải	Phường Phước Hải	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 15; 10/7/2017	17.571	17.000			17.000	-16.000			-16.000	1.000			1.000	1.000					1.000				1.000	
6	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND phường Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 16; 31/7/2019	32.000	31.331			31.331	-26.000			-26.000	5.331			5.331	5.331					5.331	331			5.000	
4	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**				**26.680**	**26.756**			**26.756**	**-5.390**			**-5.390**	**21.366**			**21.366**	**21.366**					**21.366**	**15.366**	**6.000**			
7	Trường TH Phước Đồng (điểm chính) - Hạng mục: Nhà đa năng, phòng học chức năng, bếp ăn, sân, tường rào	Xã Phước Đồng	Phòng GD&ĐT	QĐ 1677 22/11/2019	3.350	3.266			3.266					3.266			3.266	3.266					3.266	3.266				
8	Trường THCS Lương Định Của – Hạng mục: Xây dựng khối phòng học bộ môn, giải quyết thoát nước khuôn viên trường	Phường Ngọc Hiệp	Phòng GD&ĐT	QĐ 2915 04/9/2019	4.000	2.849			2.849					2.849			2.849	2.849					2.849	2.849				
9	Trường THCS Cao Bá Quát - Hạng mục: Nhà đa năng, khu thể dục thể thao ngoài trời, cây xanh, đường nội bộ, trang thiết bị	Xã Vĩnh Thái	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	QĐ 2991 16/9/2019	1.580	1.580			1.580					1.580			1.580	1.580					1.580	1.580				
10	Trường Tiểu học Vĩnh Trung - Hạng mục: Xây dựng mới 8 phòng học, nhà đa năng	Xã Vĩnh Trung	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	QĐ 1876 05/7/2019	4.850	4.850			4.850	-4.390			-4.390	460			460	460					460	460				
11	Xây dựng mới Trường MN Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	Phòng GD&ĐT	QĐ 3142 14/10/2019	10.000	9.903			9.903	-1.000			-1.000	8.903			8.903	8.903					8.903	2.903	6.000			
12	Trường MN Vĩnh Nguyên 1 (điểm Thánh Gia) – Hạng mục: Xây dựng mới khối phòng học, phòng hành chính, phòng phục vụ học tập, nhà xe, sân nền, cổng tường rào, cây xanh	Phường Vĩnh Nguyên	Phòng GD&ĐT	QĐ 3115 10/10/2019	2.900	1.990			1.990					1.990			1.990	1.990					1.990	1.990				
13	Trường TH Vĩnh Hòa 2 – Hạng mục: Xây dựng mới nhà đa năng, bếp ăn bán trú, các phòng phục vụ học tập và phòng chức năng	Phường Vĩnh Hòa	Phòng GD&ĐT	QĐ 3287 28/10/2019		2.318			2.318					2.318			2.318	2.318					2.318	2.318				
5	**Quốc Phòng**				**18.917**	**10.595**			**10.595**	**-8.845**			**-8.845**	**1.750**			**1.750**	**1.750**					**1.750**	**100**	**1.650**			
14	Công trình nông cốt trong khu sơ tán, khu tập trung bí mật, thao trường huấn luyện cấp xã của lực lượng vũ trang thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Ban CHQS thành phố	NQ 15; 31/7/2019	18.917	10.595			10.595	-8.845			-8.845	1.750			1.750	1.750					1.750	100	1.650			
6	**An ninh và trật tự, an toàn xã hội**					**498**			**498**					**498**			**498**	**498**					**498**	**498**				
15	Sửa chữa nâng tầng công an phường Vĩnh Nguyên	Phường Vĩnh Nguyên	Công an thành phố	QĐ 1967; 17/7/2019		498			498					498			498	498					498	498				
7	**Văn hóa, thông tin**					**1.410**			**1.410**					**1.410**			**1.410**	**1.410**					**1.410**	**500**	**910**			
16	Nhà văn hóa tổ 5,6 Thanh Hải và trung tâm học tập cộng đồng phường Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	UBND phường Vĩnh Hải	QĐ 4497; 14/10/2016		910			910					910			910	910					910		910			

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
17	Nhà văn hóa thôn Phú Trung 1	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	QĐ 2375 09/8/2019		500			500					500			500	500					500	500				
8	**Công cộng, hạ tầng kỹ thuật, tái định cư**				**178.000**	**80.000**			**80.000**	**-77.319**			**-77.319**	**2.681**			**2.681**		**2.681**				**2.681**		**2.681**			
17	Khu TĐC Phước Hạ (giai đoạn 2)	Xã Phước Đồng	BQL DA các CTXD NT	QĐ 2290, 04/9/2014	178.000	80.000			80.000	-80.000			-80.000															
18	Cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ 32-33 Vĩnh Thọ	Phường Vĩnh Thọ	TT Phát triển Quỹ Đất Nha Trang							2.681			2.681	2.681			2.681		2.681				2.681		2.681			
II	**Công trình khởi công mới năm 2021 - 2025**				**1.864.574**	**1.657.386**	**70.000**	**92.620**	**1.494.766**	**-33.220**		**57.479**	**24.259**	**1.624.166**	**70.000**	**35.141**	**1.519.025**	**1.313.626**	**197.699**			**7.700**	**1.519.025**	**226.090**	**281.811**	**311.435**	**699.689**	
1	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**				**209.606**	**295.334**		**30.120**	**265.214**	**-1.269**		**-12.378**	**11.109**	**294.065**		**17.742**	**276.323**	**251.279**	**25.044**				**276.323**	**43.396**	**88.818**	**73.404**	**70.705**	
1	Trường Mầm non Lư Cấm	Phường Ngọc Hiệp	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	QĐ 1387 30/5/2019	19.400	18.200			18.200	-1.380			-1.380	16.820			16.820	16.820					16.820	8.500	8.320			
2	Trường THCS Yersin - Hạng mục: Xây dựng khối lớp học, nhà đa năng, các hạng mục phụ trợ, cải tạo sửa chữa khối hành chính	Phường Xương Huân	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 78; 30/7/2020	21.207	17.100			17.100	-850			-850	16.250			16.250	16.250					16.250	5.000	11.250			
3	Xây dựng mới Trường THCS Trưng Vương	Phường Vạn Thạnh	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 149; 30/10/2020	49.953	45.420			45.420	-4.435			-4.435	40.985			40.985	40.985					40.985	1.420	15.000	24.000	565	
4	Trường THCS Lý Thái Tổ (giai đoạn 2) - Hạng mục: Xây dựng mới 12 phòng học, phòng bộ môn, đa năng, bài tập, thiết bị	Phường Vĩnh Hòa	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 08; 20/01/2021	34.000	30.000			30.000	-4.500			-4.500	25.500			25.500	25.500					25.500			10.000	15.500	
5	Trường THCS Cao Thắng - Hạng mục: Xây dựng mới khối lớp học, phòng chức năng	Xã Vĩnh Ngọc	Phòng GD&ĐT	NQ 02; 20/01/2021	13.720	13.619			13.619	101			101	13.720			13.720	12.160	1.560				13.720	4.619	41	9.060		
6	Trường Tiểu học Vĩnh Thạnh - Hạng mục: Xây dựng mới nhà đa năng, khối phòng học chức năng	Xã Vĩnh Thạnh	Phòng GD&ĐT	NQ 176; 10/12/2020	9.060	9.040		6.340	2.700	-1.110		-1.010	-100	7.930		5.330	2.600	2.600					2.600	2.600				
7	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - 9 phục vụ chương trình giáo dục phổ thông của thành phố (giai đoạn 1: lớp 2 và lớp 6)	Các trường lớp 2; lớp 6 trên địa bàn thành phố Nha T	Phòng GD&ĐT	NQ 48 23/6/2021	28.866	28.480		16.480	12.000	-11.368		-11.368		17.112		5.112	12.000	12.000					12.000		12.000			
8	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - 9 phục vụ chương trình giáo dục phổ thông của thành phố (giai đoạn 1: lớp 3 và lớp 7)	TP Nha Trang	Phòng GD&ĐT	NQ 23/12/2023	19.000					18.444			18.444	18.444			18.444	18.444					18.444				18.444	
9	Trường Tiểu học Vĩnh Hải 2 (giai đoạn 2) - Hạng mục: Xây dựng khối lớp học, nhà đa năng	Phường Vĩnh Hải	Phòng GD&ĐT	NQ 72; 30/7/2020;		12.500			12.500	-1.270			-1.270	11.230			11.230	11.230					11.230		7.500	3.730		
10	THCS Nguyễn Viết Xuân - Hạng mục: Xây dựng khối lớp học, nhà đa năng	Xã Vĩnh Lương	Phòng GD&ĐT	NQ 164; 30/10/2020	14.400	14.400		7.300	7.100	-495			-495	13.905		7.300	6.605	6.605					6.605		6.605			
11	Trường Mầm non Phương Sài – Hạng mục: nâng cấp sân trường (điểm Lê Thành Phương, Bà Triệu); sửa chữa cổng, phòng học (điểm Yersin)	Phường Phương Sài	Phòng GD&ĐT	NQ 47; 30/7/2020		638			638					638			638	638					638	638				
12	Trường Tiểu học Phước Thịnh – Hạng mục: Nâng cấp tường rào xung quanh trường, sửa chữa nhà xe	Xã Phước Đồng	Phòng GD&ĐT	NQ 48; 30/7/2020		990			990					990			990	990					990	990				
13	Trường Tiểu học Vĩnh Hải 2 (điểm chính) – Hạng mục: Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh, giáo viên; nâng cấp, mở rộng bếp ăn bán trú; sơn mặt ngoài điểm trường; xây dựng bục chào cờ	Phường Vĩnh Hải	Phòng GD&ĐT	NQ 45; 30/7/2020		1.407			1.407					1.407			1.407	1.407					1.407	1.407				
14	Trường Mầm non Vạn Thắng (điểm Vạn Bình) – Hạng mục: Sửa chữa khối lớp học, nhà kho, phòng làm việc; nâng cấp tường rào	Phường Vạn Thắng	Phòng GD&ĐT	NQ 44; 30/7/2020		1.114			1.114					1.114			1.114	1.114					1.114	1.114				
15	Trường Mầm non Vĩnh Thạnh (điểm trung tâm xã) – Hạng mục: Sửa chữa khối lớp học, nhà vệ sinh	Xã Vĩnh Thạnh	Phòng GD&ĐT	NQ 46; 30/7/2020		1.114			1.114					1.114			1.114	1.114					1.114	1.114				
16	Trường Tiểu học Lộc Thọ - Hạng mục: Sửa chữa, mở rộng bếp ăn bán trú	Phường Lộc Thọ	Phòng GD&ĐT	NQ 41; 26/3/2021		1.397			1.397					1.397			1.397	1.397					1.397	1.397				
17	Trường Mầm non Vĩnh Phương 1 – Hạng mục: Sửa chữa phòng học, nhà vệ sinh, cổng tường rào, sân trường, mái che	Xã Vĩnh Phương	Phòng GD&ĐT	NQ 73; 30/7/2020		1.080			1.080					1.080			1.080	1.080					1.080	1.080				
18	Trường Mầm non Vĩnh Phương 2 – Hạng mục: Nâng cấp sân trường	Xã Vĩnh Phương	Phòng GD&ĐT	NQ 74; 30/7/2020		238			238					238			238	238					238	238				
19	Trường Tiểu học Vĩnh Phương 1 – Hạng mục: Sửa chữa phòng học, phòng hành chính, mái khối phòng đoàn đội	Xã Vĩnh Phương	Phòng GD&ĐT	NQ 05; 20/01/2021		1.130			1.130					1.130			1.130	1.130					1.130	1.130				
20	Trường Tiểu học Vĩnh Nguyên 2 – Hạng mục: Sửa chữa phòng học, sân nền, cổng tường rào	Phường Vĩnh Nguyên	Phòng GD&ĐT	NQ 50; 30/7/2020		1.060			1.060					1.060			1.060	1.060					1.060	1.060				
21	Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ giáo viên đảo Bích Đầm	Phường Vĩnh Nguyên	Phòng GD&ĐT	NQ 93; 30/7/2020		928			928					928			928	928					928	928				
22	Trường THCS Nguyễn Công Trứ – Hạng mục: Nâng cấp sân trường	Xã Vĩnh Phương	Phòng GD&ĐT	NQ 75; 30/7/2020		1.115			1.115					1.115			1.115	1.115					1.115	1.115				

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
23	Trường Tiểu học Tân Lập 2 – Hạng mục: Sửa chữa phòng học, sân trường	Phường Tân Lập	Phòng GD&ĐT	NQ 92; 30/7/2020		1.066			1.066					1.066			1.066	1.066					1.066	1.066				
24	Trường Tiểu học Phước Tiến – Hạng mục: Sửa chữa khối phòng chức năng, sân trường (khu vực phía sau hội trường)	Phường Phước Tiến	Phòng GD&ĐT	NQ 49; 30/7/2020		1.113			1.113					1.113			1.113	1.113					1.113	1.113				
25	Sửa chữa Trường Mầm non Vĩnh Trung – Hạng mục: Sửa chữa mái, trần la phong, hệ thống điện nâng cấp sân trường	Phường Phương Sài	Phòng GD&ĐT	NQ 01; 20/01/2021		612			612					612			612	612					612	612				
26	Trường THCS Võ Văn Ký (điểm phụ)- Hạng mục: Sửa chữa nhà vệ sinh; sân tập thể dục, mái che	Phường Phương Sài	Phòng GD&ĐT	NQ 03; 20/01/2021		697			697					697			697	697					697	697				
27	Trường Mầm non Phước Long – Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng bếp ăn bán trú,xây dựng mới đoạn tường rào, sửa chữa cổng trường	Phường Phước Long	Phòng GD&ĐT	NQ 07; 20/01/2021		751			751					751			751	751					751	751				
28	Trường Tiểu học Vĩnh Thái (điểm chính) – Hạng mục: Xây dựng bếp ăn bán trú, sửa chữa tường rào, sân trường	Xã Vĩnh Thái	Phòng GD&ĐT	NQ 06; 20/01/2021		1.416			1.416					1.416			1.416	1.416					1.416	1.416				
29	Trường Tiểu học Vĩnh Thái (điểm Đất Lành) – Hạng mục: Gia cố tường rào (phía sau trường), nâng cấp sân, trồng bổ sung cây xanh,	Xã Vĩnh Thái	Phòng GD&ĐT	NQ 04; 20/01/2021		1.149			1.149					1.149			1.149	1.149					1.149	1.149				
30	Trường Tiểu học Vạn Thắng (điểm chính) - Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa khối phòng học, phòng hành chính; sân trường	Phường Vạn Thắng	Phòng GD&ĐT	NQ 175; 10/12/2020		1.111			1.111					1.111			1.111	1.111					1.111	1.111				
31	Trường THCS Lý Thường Kiệt - Hạng mục: Xây dựng tường rào, mái tạ lưu	Phường Vĩnh Thọ	Phòng GD&ĐT	NQ 42 ; 26/3/2021		915			915					915			915	915					915		915			
32	Trường THCS Phan Sào Nam - Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh	Phường Phương Sơn	Phòng GD&ĐT	NQ 174; 10/12/2020		1.131			1.131					1.131			1.131	1.131					1.131	1.131				
33	Trường Tiểu học Vĩnh Lương 1 (điểm Cát Lợi) - Hạng mục: Sửa chữa khối lớp học, nhà vệ sinh, nâng cấp sân trường, lắp mái che	Xã Vĩnh Lương	Phòng GD&ĐT	NQ 49 23/6/2021		1.100			1.100	42			42	1.142			1.142	1.142					1.142		1.142			
34	Trường Tiểu học Phước Hòa 2 - Hạng mục: Sửa chữa khối 10 phòng học, bổ sung bàn ghế học sinh	Phường Phước Hòa	Phòng GD&ĐT	NQ 50 23/6/2021		1.100			1.100	73			73	1.173			1.173	1.173					1.173		1.173			
35	Trường THCS Nguyễn Khuyến - Hạng mục: Sửa chữa mái; sửa chữa ô lấy sáng cầu thang khối phòng học, phòng hành chính, phòng chức năng	Phường Vĩnh Phước	Phòng GD&ĐT	NQ 143 30/9/2021		1.200			1.200	-51			-51	1.149			1.149	1.149					1.149		1.149			
36	Trường Tiểu học Phước Đồng (điểm chính) – Hạng mục: Sửa chữa khối lớp học, khối hành chính; nâng cấp sân trường; xây dựng hệ thống thoát nước	Xã Phước Đồng	Phòng GD&ĐT	NQ 190; 24/12/2021		1.500			1.500	-387			-387	1.113			1.113	1.113					1.113		1.113			
37	Trường Mầm non Hồng Bàng – Hạng mục: Nâng cấp bếp ăn bán trú; thay hệ thống cấp nước; chống thấm sê nô	Phường Tân Lập	Phòng GD&ĐT	NQ 190; 24/12/2021		1.200			1.200	-32			-32	1.168			1.168	1.168					1.168		1.168			
38	Trường Tiểu học Vĩnh Hải 1 - Hạng mục: Xây dựng bếp ăn bán trú, sửa chữa khối lớp học	Phường Vĩnh Hải	Phòng GD&ĐT	NQ 192; 24/12/2021		1.500			1.500	-11			-11	1.489			1.489	1.489					1.489		1.489			
39	Trường Tiểu học Vĩnh Phước 2 (điểm chính) – Hạng mục: Sửa chữa khối hành chính, nâng cấp sân trường	Phường Vĩnh Phước	Phòng GD&ĐT	NQ 193; 24/12/2021		1.400			1.400	-257			-257	1.143			1.143	1.143					1.143			1.143		
40	Trường Mầm non Vĩnh Hiệp (điểm Vĩnh Châu) – Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, làm nhà bảo vệ	Xã Vĩnh Hiệp	Phòng GD&ĐT	NQ 194; 24/12/2021		1.200			1.200	-66			-66	1.134			1.134	1.134					1.134		1.134			
41	Trường THCS Nguyễn Hiền - Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa khối phòng học	Phường Phước Tân	Phòng GD&ĐT	NQ 195; 24/12/2021		1.200			1.200	-65			-65	1.135			1.135	1.135					1.135		1.135			
42	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu - Hạng mục: Xây dựng tường rào	Xã Vĩnh Trung	Phòng GD&ĐT	NQ 22; 27/5/2022		1.167			1.167	-29			-29	1.138			1.138	1.138					1.138		1.138			
43	Trường Tiểu học Vĩnh Hiệp (điểm phụ) – Hạng mục: Xây dựng đoạn tường rào; nâng cấp sân trường	Xã Vĩnh Hiệp	Phòng GD&ĐT	NQ 24; 27/5/2022		1.192			1.192	-48			-48	1.144			1.144	1.144					1.144		1.144			
44	Trường Tiểu học Vĩnh Trung, thôn Võ Cang, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	Phòng GD&ĐT	NQ 23; 27/5/2022		1.174			1.174	-29			-29	1.145			1.145	1.145					1.145		1.145			
45	Trường Mầm non Sao Biển - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, hành chính; nâng cấp mở rộng bếp ăn bán trú	Phường Vĩnh Phước	Phòng GD&ĐT	NQ 25; 27/5/2022		1.660			1.660	-96			-96	1.564			1.564		1.564				1.564			1.564		
46	Trường Mầm non Vĩnh Ngọc (điểm chính) Hạng mục: Lắp mái che, trồng bổ sung cây xanh	Xã Vĩnh Ngọc	Phòng GD&ĐT	NQ 78 28/7/2022		500			500	-41			-41	459			459		459				459			459		
47	Trường Tiểu học Vạn Thắng (điểm chính) - Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng bếp ăn bán trú; nâng cấp sân trường	Phường Vạn Thắng	Phòng GD&ĐT	NQ 98 28/7/2022		1.600			1.600	-163			-163	1.437			1.437	309	1.128				1.437			1.128	309	
48	Trường Mầm non Vĩnh Hòa (điểm Đường Đệ) - Hạng mục: Sửa chữa cổng tường rào, khối phòng học; nâng cấp sân trường	Phường Vĩnh Hòa	Phòng GD&ĐT	NQ 102 28/7/2022		1.200			1.200	-89			-89	1.111			1.111		1.111				1.111			1.111		
49	Trường Tiểu học Phước Tân 2 - Hạng mục: Xây dựng bếp ăn bán trú	Phường Phước Tân	Phòng GD&ĐT	NQ 103 28/7/2022		950			950	-28			-28	922			922		922				922			922		
50	Trường Tiểu học Vĩnh Thái (điểm chính) - Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa khối hành chính, khối phòng học; nâng cấp sân trường	Xã Vĩnh Ngọc	Phòng GD&ĐT	NQ 104 28/7/2022		1.200			1.200	-57			-57	1.143			1.143		1.143				1.143			1.143		
51	Trường THCS Lương Thế Vinh - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học; xây dựng mới nhà xe giáo viên; nâng cấp sân trường	Xã Vĩnh Thạnh	Phòng GD&ĐT	NQ 105 28/7/2022		1.200			1.200	-75			-75	1.125			1.125		1.125				1.125			1.125		
52	Trường Tiểu học Phương Sơn - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học; xây dựng nhà vệ sinh	Phường Phương Sơn	Phòng GD&ĐT	NQ 106 28/7/2022		1.100			1.100	-61			-61	1.039			1.039		1.039				1.039			1.039		
53	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa 1- Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa khối phòng học khu C; nâng cấp sân trường; xây dựng mới bếp ăn bán trú	Phường Vĩnh Hòa	Phòng GD&ĐT	NQ 107 28/7/2022		1.500			1.500	-50			-50	1.450			1.450		1.450				1.450			1.450		

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
							Trong đó:				Trong đó:							Trong đó:						Đã thực hiện 2021-2023		Kế hoạch	
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng số	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu	Nguồn vốn thành phố quản lý	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
54	Trường Tiểu học Vĩnh Nguyên 1 - Hạng mục: Thay gạch men khối phòng học, phòng hành chính; nâng cấp sân trường; làm mới nhà xe	Phường Vĩnh Nguyên	Phòng GD&ĐT	NQ 108 28/7/2022		1.050			1.050	-28			-28	1.022			1.022		1.022				1.022			1.022		
55	Trường THCS Trần Hưng Đạo - Hạng mục: Sửa chữa mái khối lớp học, xây dựng mới nhà xe học sinh; nâng cấp sân trường	Phường Vĩnh Trường	Phòng GD&ĐT	NQ 109 28/7/2022		1.100			1.100	-60			-60	1.040			1.040		1.040				1.040			1.040		
56	Trường Mầm non Vĩnh Phương 2 (điểm chính) - Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh học sinh	Xã Vĩnh Phương	Phòng GD&ĐT	NQ 110 28/7/2022		695			695	-124			-124	571			571		571				571			571		
57	Trường Mầm non Ngô Thời Nhiệm (cơ sở 1) - Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa khối phòng học	Phường Tân Lập	Phòng GD&ĐT	NQ 111 28/7/2022		950			950	-46			-46	904			904		904				904			904		
58	Trường Mầm non Phước Thịnh - Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng bếp ăn bán trú	Xã Phước Đồng	Phòng GD&ĐT	NQ 112 28/7/2022		1.559			1.559	95			95	1.654			1.654	1.654					1.654				1.654	
59	Trường Tiểu học Tân Lập 1 - Hạng mục: Xây dựng mới nhà vệ sinh học sinh, giáo viên	Phường Tân Lập	Phòng GD&ĐT	NQ 113 28/7/2022		1.600			1.600	1.061			1.061	2.661			2.661	2.661					2.661				2.661	
60	Trường Mầm non Phước Đồng (điểm Phước Thượng), Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa khối phòng học; xây dựng mới tường rào	Xã Phước Đồng	Phòng GD&ĐT	NQ 114 28/7/2022		845			845	-19			-19	826			826		826				826			826		
61	Trường Tiểu học Xương Huân 2 - Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng bếp ăn bán trú; Nâng cấp sân trường	Phường Xương Huân	Phòng GD&ĐT	NQ 115 28/7/2022		1.500			1.500					1.500			1.500	1.500					1.500				1.500	
62	Trường Mầm non Xương Huân - Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng phòng học; sửa chữa mái	Phường Xương Huân	Phòng GD&ĐT	NQ 116 28/7/2022		1.200			1.200	-121			-121	1.079			1.079		1.079				1.079			1.079		
63	Trường THCS Trần Nhật Duật - Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa khối phòng học	Phường Phước Hòa	Phòng GD&ĐT	NQ 117 28/7/2022		1.200			1.200	-77			-77	1.123			1.123		1.123				1.123			1.123		
64	Trường THCS Trần Quốc Toản - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, cổng tường rào; nâng cấp sân trường	Phường Tân Lập	Phòng GD&ĐT	NQ 118 28/7/2022		1.200			1.200	-60			-60	1.140			1.140		1.140				1.140			1.140		
65	Trường Mầm non Vĩnh Thái (điểm Thái Thông) - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học; nâng cấp, mở rộng mái che	Xã Vĩnh Thái	Phòng GD&ĐT	NQ 130 07/10/2022		1.173			1.173	-441			-441	732			732		732				732			732		
66	Trường Mầm non 8/3 - Hạng mục: Sửa chữa nhà vệ sinh; thay hệ thống cấp nước	thành phố Nha Trang	Phòng GD&ĐT	NQ 137 07/10/2022		1.200			1.200	-77			-77	1.123			1.123		1.123				1.123			1.123		
67	Trường THCS Âu Cơ - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, khối hành chính	Phường Phước Tân	Phòng GD&ĐT	NQ 138 07/10/2022		1.200			1.200	-92			-92	1.108			1.108		1.108				1.108			1.108		
68	Trường Mầm non 3/2 - Hạng mục: Lợp mái tôn khối phòng học, cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh học sinh	thành phố Nha Trang	Phòng GD&ĐT	NQ 139 07/10/2022		1.189			1.189	-35			-35	1.154			1.154		1.154				1.154			1.154		
69	Trường Tiểu học Phước Long 1 - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, phòng hành chính, bếp ăn bán trú; nâng cấp mở rộng nhà xe giáo viên	Phường Phước Long	Phòng GD&ĐT	NQ 140 07/10/2022		1.200			1.200	-55			-55	1.145			1.145		1.145				1.145			1.145		
70	Trường Mầm non Vĩnh Lương (điểm chính) - Hạng mục: Nâng cấp sân trường	Xã Vĩnh Lương	Phòng GD&ĐT	NQ 148 07/10/2022		595			595	-19			-19	576			576		576				576			576		
71	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa 2 (điểm 14 Ngô Văn Sở) - Hạng mục sửa chữa mái khối phòng học	Phường Vĩnh Hòa	Phòng GD&ĐT	NQ 144 30/9/2021		800			800	-9			-9	791			791	791					791		791			
72	Trường THCS Lam Sơn - Hạng mục: Nâng cấp sân trường	Xã Phước Đồng	Phòng GD&ĐT	NQ 154 30/9/2021		1.200			1.200	-481			-481	719			719	719					719		719			
73	Trường Mầm non Phước Đồng (điểm chính) - Hạng mục: Sửa chữa khối lớp học, cổng tường rào; nâng cấp sân trường	Xã Phước Đồng	Phòng GD&ĐT	NQ 155 30/9/2021		1.200			1.200	-65			-65	1.135			1.135	1.135					1.135		1.135			
74	Trường Tiểu học Vĩnh Trường (điểm Bình Tân) – Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, cổng tường rào	Phường Vĩnh Trường	Phòng GD&ĐT	NQ 156 30/9/2021		1.200			1.200	-68			-68	1.132			1.132	1.132					1.132		1.132			
75	Trường THCS Võ Thị Sáu (điểm chính) - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, khối bộ môn, nhà đa năng	Phường Phước Long	Phòng GD&ĐT	NQ 157 30/9/2021		1.200			1.200	-65			-65	1.135			1.135	1.135					1.135		1.135			
76	Trường Mầm non Phước Hải (điểm phụ) – Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học	Phường Phước Hải	Phòng GD&ĐT	NQ 158 30/9/2021		1.000			1.000	-192			-192	808			808	808					808		808			
77	Trường Mầm non Phước Hải (điểm chính) - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, bếp ăn bán trú	Phường Phước Hải	Phòng GD&ĐT	NQ 159 30/9/2021		1.200			1.200	-153			-153	1.047			1.047	1.047					1.047		1.047			
78	Trường THCS Võ Văn Ký (điểm chính) – Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, nhà vệ sinh	Phường Phương Sài	Phòng GD&ĐT	NQ 160 30/9/2021		1.200			1.200	-66			-66	1.134			1.134	1.134					1.134		1.134			
79	Trường Mầm non Vĩnh Phương 2 (điểm thôn Tây) - Hạng mục: xây dựng mới phòng học, phòng chức năng	Xã Vĩnh phương	Phòng GD&ĐT	NQ 41 28/4/2023		12.448			12.448	-622			-622	11.826			11.826	11.826					11.826				11.826	
80	Trường Tiểu học Vĩnh Nguyên 3 (điểm Trí Nguyên) Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, nhà vệ sinh học sinh, giáo viên; nâng cấp sân trường; bàn, ghế học sinh	Phường Vĩnh Nguyên	Phòng GD&ĐT	NQ 43 28/4/2023		1.611			1.611	-48			-48	1.563			1.563	1.563					1.563				1.563	
81	Trường Tiểu học Vĩnh Nguyên 3 (điểm Bích Đầm) Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, nhà vệ sinh học sinh; nâng cấp sân trường; bàn, ghế học sinh; sửa chữa hệ thống điện năng lượng mặt trời	Phường Vĩnh Nguyên	Phòng GD&ĐT	NQ 42 28/4/2023		1.654			1.654	-67			-67	1.587			1.587	1.587					1.587				1.587	
82	Trường Mầm non Vĩnh Thọ - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học; nâng cấp sân trường	Phường Vĩnh Thọ	Phòng GD&ĐT	NQ 44 28/4/2023		990			990	-38			-38	952			952	952					952				952	
83	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa 2 - Hạng mục: Sửa chữa tường rào; nâng cấp sân trường	Phường Vĩnh Hòa	Phòng GD&ĐT	NQ3 28/4/2023		995			995	-78			-78	917			917	917					917				917	
84	Trường Mầm non Phương Sơn (điểm phụ) - Hạng mục: Sửa chữa cổng, tường rào; nâng cấp sân trường	Phường Phương Sơn	Phòng GD&ĐT	NQ 04 28/4/2023		406			406	-32			-32	374			374	374					374				374	

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
							Trong đó:				Trong đó:							Trong đó:						Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng số	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu	Nguồn vốn thành phố quản lý	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
85	Trường Tiểu học Lộc Thọ - Hạng mục: Sửa chữa khối nhà đa năng; khối phòng học khu A; tường rào	Phường Lộc Thọ	Phòng GD&ĐT	NQ 112; 31/10/2023						1.327			1.320	1.320			1.320	1.320					1.320				1.320	
86	Trường Tiểu học Vĩnh Nguyên 2 – Hạng mục: Xây dựng bếp ăn bán trú; Sửa chữa nhà vệ sinh; xây dựng tường rào; trang bị máy tính và thiết bị đồng bộ	Phường Vĩnh Nguyên	Phòng GD&ĐT	NQ 109; 31/10/2023						2.365			2.360	2.360			2.360	2.360					2.360				2.360	
87	Trường THCS Lương Định Của - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học; nâng cấp hệ thống điện	Phường Ngọc Hiệp	Phòng GD&ĐT	NQ 111; 31/10/2023						1.223			1.220	1.220			1.220	1.220					1.220				1.220	
88	Trường Tiểu học Vĩnh Hiệp (điểm chính) - Hạng mục: Sửa chữa khối hành chính; nâng cấp sân trường; làm mới mái che lối đi ra nhà vệ sinh	Xã Vĩnh Hiệp	Phòng GD&ĐT	NQ 108; 31/10/2023						1.222			1.220	1.220			1.220	1.220					1.220				1.220	
89	Trường Tiểu học Vĩnh Lương 1 – Hạng mục: Xây dựng bếp ăn bán trú; nâng cấp sân trường, tường rào; trang bị máy tính và thiết bị đồng bộ	Xã Vĩnh Lương	Phòng GD&ĐT	NQ 110; 31/10/2023						2.374			2.370	2.370			2.370	2.370					2.370				2.370	
90	Trường Tiểu học Ngọc Hiệp (điểm Vĩnh Hội) - Hạng mục: Sửa chữa khối phòng học, phòng bộ môn; nâng cấp sân, cổng, tường rào, nhà vệ sinh	Phường Ngọc Hiệp	Phòng GD&ĐT	NQ 106; 31/10/2023						995			990	990			990	990					990				990	
91	Trường Tiểu học Phước Thịnh - Hạng mục: Xây dựng bếp ăn bán trú kèm mua sắm trang thiết bị đồng bộ; sửa chữa khu vực ăn tập trung; làm mới mái che đường dẫn ra nhà ăn	Xã Phước Đồng	Phòng GD&ĐT	NQ 107; 31/10/2023						1.654			1.650	1.650			1.650	1.650					1.650				1.650	
92	Trường Mầm non Vĩnh Lương (điểm Cát Lợi) – Hạng mục: Sửa chữa khối lớp học, nhà vệ sinh, nâng cấp sân trường	Xã Vĩnh Lương	Phòng GD&ĐT	NQ 103; 31/10/2023						930			930	930			930	930					930				930	
93	Trường Mầm non Vĩnh Trung (điểm chính) - Hạng mục: Sửa chữa tường rào, hệ thống thoát nước	Xã Vĩnh Trung	Phòng GD&ĐT	NQ 104; 31/10/2023						793			793	793			793	793					793				793	
94	Trường Tiểu học Ngọc Hiệp - Hạng mục: Sửa chữa khối 16 phòng học; xây dựng các phòng học bộ môn	Phường Ngọc Hiệp	Phòng GD&ĐT	NQ 161 30/9/2021		12.000			12.000	-3.657			-3.657	8.343			8.343	8.343					8.343		6.356	1.987		
2	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội**					**58.363**			**58.363**	**-3.141**			**-3.141**	**55.222**			**55.222**	**53.762**	**1.460**				**55.222**	**11.159**	**17.965**	**6.566**	**19.532**	
95	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 60 26/3/2021		879			879					879			879	879					879		879			
96	Cải tạo, sửa chữa hội trường 38 Lam Sơn phường Phước Hòa	Phường Phước Hòa	UBND phường Phước Hòa	NQ 43; 30/7/2020		721			721					721			721	721					721	721				
97	Cải tạo, sửa chữa UBND phường Phước Tiến	Phường Phước Tiến	UBND phường Phước Tiến	NQ 178; 10/12/2020		667			667					667			667	667					667		667			
98	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Hạt Kiểm Lâm Nha Trang	Phường Phương Sài	Hạt Kiểm Lâm Nha Trang	NQ 43; 26/3/2021		1.200			1.200	-96			-96	1.104			1.104	1.104					1.104		1.104			
99	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Phước Tân	Phường Phước Tân	UBND phường Phước Tân	NQ 158; 30/10/2020		1.048			1.048					1.048			1.048	1.048					1.048	1.048				
100	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Tân Lập	Phường Tân Lập	UBND phường Tân Lập	NQ 179; 10/12/2020		917			917	24			24	941			941	941					941	917	24			
101	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Phòng Quản Lý Đô thị	116 Trần Hưng Đạo	Phòng QLĐT	NQ 13; 10/01/2021		837			837	38			38	875			875	875					875	837	38			
102	Nâng cấp cải tạo điểm sinh hoạt văn hóa 92 Sinh Trung và 120 đường 2/4, phường Vạn Thạnh	Phường VạnThạnh	UBND Phường Vạn Thạnh	NQ 140; 30/10/2020		480			480					480			480	480					480	480				
103	Sửa chữa Hội trường UBND phường Vĩnh Hòa (điểm số 03 Quãng Đức)	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ155; 30/10/2020		1.055			1.055					1.055			1.055	1.055					1.055	1.055				
104	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang	Trụ sở Viện Kiểm Sát	Viện kiểm sát nhân dân TP.Nha Trang	NQ 55; 30/7/2020		1.111			1.111					1.111			1.111	1.111					1.111	1.111				
105	Nâng cấp, cải tạo ban bảo vệ dân phố phường Phương Sài	Phường Phương sài	UBND phường Phương Sài	NQ 32; 30/7/2020		708			708					708			708	708					708	708				
106	Cải tạo, sửa chữa cổng tường rào trụ sở UBND xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 129; 10/9/2020		573			573					573			573	573					573	573				
107	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 116; 10/9/2020		1.115			1.115					1.115			1.115	1.115					1.115	1.115				
108	Nâng cấp, cải tạo Khối nhà hành chính (trụ sở làm việc HĐND và UBND thành phố) và phòng tiếp nhận đơn thư, phòng hòn tiếp công dân (khu liên cơ quan)	Phường Lộc Thọ	Văn phòng HĐND & UBND thành phố	NQ 72 28/7/2022		1.978			1.978	-42			-42	1.936			1.936	1.936					1.936		1.936			
109	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Thành ủy Nha Trang	Phường Lộc Thọ	Thành ủy Nha Trang	NQ 121 28/7/2022		6.505			6.505	-432			-432	6.073			6.073	6.073					6.073			5.218	855	
110	Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND phường Vạn Thắng	Phường Vạn Thắng	UBND phường Vạn Thắng	NQ 76 28/7/2022		1.411			1.411	-63			-63	1.348			1.348	1.348					1.348			1.348		
111	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Thành phố Nha Trang	TT Phát triển Quỹ Đất Nha Trang	NQ 153 07/10/2022		980			980	-12			-12	968			968	968					968				968	
112	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 154 07/10/2022		1.200			1.200	-689			-689	511			511	511					511				511	
113	Sửa chữa cải tạo trụ sở làm việc UBND phường Phương Sơn	Phường Phương Sơn	UBND phường Phương Sơn	NQ 179; 24/12/2021		1.200			1.200	-77			-77	1.123			1.123	1.123					1.123		1.123			

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
							Trong đó:				Trong đó:							Trong đó:						Đã thực hiện 2021-2023		Kế hoạch		
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng số	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu	Nguồn vốn thành phố quản lý	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
114	Trụ sở UBND phường Vĩnh Thọ - Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo phòng làm việc cho dân quân	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 181; 24/12/2021		1.550			1.550	-106			-106	1.444			1.444	1.444					1.444		1.444			
115	Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND xã Vĩnh Thái - Hạng mục: Hội trường, cổng tường rào	Xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 183; 24/12/2021		1.250			1.250	-112			-112	1.138			1.138	1.138					1.138		1.138			
116	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Phương Sài	Phường Phương Sài	UBND phường Phương Sài	NQ 33; 27/5/2022		1.200			1.200	-66			-66	1.134			1.134	1.134					1.134		1.134			
117	Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND phường Xương Huân	Phường Xương Huân	UBND phường Xương Huân	NQ 36; 27/5/2022		1.200			1.200	-94			-94	1.106			1.106	1.106					1.106		1.106			
118	Nâng cấp, cải tạo Hội trường UBND phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 29; 27/5/2022		1.200			1.200	-83			-83	1.117			1.117	1.117					1.117		1.117			
119	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc khối đoàn thể phường Xương Huân	Phường Xương Huân	UBND phường Xương Huân	NQ 37; 27/5/2022		1.180			1.180	-346			-346	834			834	834					834		834			
120	Xây dựng tường rào bảo vệ khu đất nhận từ Tổng Công ty Khánh Việt	Xã Vĩnh Phương	TT Phát triển Quỹ Đất Nha Trang	NQ 20; 27/5/2022		1.200			1.200	-64			-64	1.136			1.136	1.136					1.136		1.136			
121	Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 04; 27/5/2022		1.200			1.200	-92			-92	1.108			1.108	1.108					1.108		1.108			
122	Sửa chữa cải tạo tòa án nhân dân thành phố Nha Trang	104 Nguyễn Trãi	Tòa Án Nhân Dân TP. Nha Trang	NQ 77; 30/7/2020		1.100			1.100					1.100			1.100	1.100					1.100	1.100				
123	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 182; 10/12/2020		856			856					856			856	856					856	856				
124	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 139; 30/9/2021		1.200			1.200	-433			-433	767			767	767					767		767			
125	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 141; 30/9/2021		1.200			1.200	-70			-70	1.130			1.130	1.130					1.130		1.130			
126	Nâng cấp, cải tạo hội trường UBND xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 141; 30/9/2021		1.327			1.327	-47			-47	1.280			1.280	1.280					1.280		1.280			
127	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc và mua sắm trang thiết bị Thành đoàn Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Thành đoàn Nha Trang	NQ 18/4/2023		3.000			3.000	-61			-61	2.939			2.939	2.939					2.939				2.939	
128	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Nha Trang Hạng mục: Sê nô mái và các phòng, trục đứng bên trái tòa nhà (Trục A); Sơn mặt tiền; Nền tầng 1; Hệ thống điện	Thành phố Nha Trang	Viện kiểm sát nhân dân TP.Nha Trang	NQ 18 18/4/2023		800			800	-54			-54	746			746	746					746				746	
129	Cải tạo, sửa chữa phòng khánh tiết, chống thấm mái khối Hội trường trụ sở Văn phòng HDND và UBND thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Văn phòng HDND & UBND thành phố	NQ 54 12/7/2023		2.321			2.321	-372			-372	1.949			1.949	1.949					1.949				1.949	
130	Sửa chữa, cải tạo Hội trường 18 Phương Câu, phường Vạn Thạnh	Phường Vạn Thạnh	UBND Phường Vạn Thạnh	NQ 61 12/7/2023		1.769			1.769	-128			-128	1.641			1.641	1.641					1.641				1.641	
131	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Vạn Thạnh	Phường Vạn Thạnh	UBND Phường Vạn Thạnh	NQ 62 12/7/2023		992			992	-45			-45	947			947	947					947				947	
132	Trang bị phòng họp không giấy tờ phục vụ HDND và UBND thành phố	Thành phố Nha Trang	Văn phòng HDND & UBND thành phố	NQ 81 12/7/2023		1.648			1.648	-1.648			-1.648															
133	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Văn phòng Đài truyền thanh Nha Trang	Thành phố Nha Trang	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 37 18/4/2023		1.632			1.632	-58			-58	1.574			1.574	1.574					1.574				1.574	
134	Cải tạo, sửa chữa thư viện thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 38 18/4/2023		1.145			1.145	-30			-30	1.115			1.115	1.115					1.115				1.115	
135	Cải tạo, sửa chữa các khu vệ sinh trụ sở làm việc Tòa án nhân dân thành phố	Phường Phước Tân	Tòa Án Nhân Dân TP. Nha Trang	NQ 98 31/10/2023						950			950	950			950	950					950				950	
136	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Lộc Thọ	Phường Lộc Thọ	UBND phường Lộc Thọ	NQ 39 18/4/2023		998			998	-40			-40	958			958	958					958				958	
137	Nâng cấp, cải tạo Khối nhà làm việc Đảng ủy và Đoàn thể phường Vĩnh Thọ	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 191 21/12/2022		3.172			3.172	-253			-253	2.919			2.919	2.919					2.919				2.919	
138	Sửa chữa trụ sở làm việc tạm tại cơ sở nhà đất số 82 Trần Quý Cáp, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang	Phường Vạn Thắng	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 148 14/12/2023						490			490	490			490		490				490				490	
139	trình Sửa chữa trụ sở làm việc tạm tại cơ sở nhà đất số 02 đường Hoàn Kiếm, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang	Phường Phước Hòa	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 147 14/12/2023						970			970	970			970		970				970				970	
140	Nâng cấp, cải tạo tường rào và nhà vệ sinh trụ sở UBND phường Phương Sài	Phường Phương Sài	UBND phường Phương Sài	NQ 18; 20/01/2021		638			638					638			638	638					638	638				
3	**Thương mại**					**21.495**			**21.495**	**-860**			**-860**	**20.635**			**20.635**	**20.635**					**20.635**	**2.390**	**1.808**	**1.853**	**14.584**	
141	Cải tạo, sửa chữa chợ Vĩnh Thọ	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 38; 27/5/2022		2.600			2.600	-47			-47	2.553			2.553	2.553					2.553		700	1.853		
142	Cải tạo, sửa chữa chợ Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 39; 27/5/2022		1.190			1.190	-82			-82	1.108			1.108	1.108					1.108		1.108			
143	Cải tạo, sửa chữa chợ Hòn Rớ, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 187; 28/4/2023		9.484			9.484	-438			-438	9.046			9.046	9.046					9.046				9.046	
144	Cải tạo, sửa chữa chợ Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 14; 28/4/2023		4.931			4.931	-247			-247	4.684			4.684	4.684					4.684				4.684	
145	Sửa chữa, cải tạo chợ Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 60 12/7/2023		900			900	-46			-46	854			854	854					854				854	
146	Nâng cấp cải tạo chợ Phương Sơn	Chợ Phương Sơn	BQL Chợ Phương Sơn	NQ 63; 30/7/2020		2.390			2.390					2.390			2.390	2.390					2.390	2.390				
4	**Văn hóa, thông tin**				**113.045**	**88.348**		**2.500**	**85.848**	**-2.700**			**-2.700**	**85.648**		**2.500**	**83.148**	**81.910**	**1.238**				**83.148**	**1.839**	**7.044**	**13.207**	**61.058**	

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)										Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
147	Tu bổ di tích cấp tỉnh Đình Xuân Lạc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ32; 30/7/2020	1.129	1.009			1.009					1.009			1.009	1.009					1.009	1.009				
148	Tu bổ di tích cấp tỉnh Đình Lư Cấm	P. Ngọc Hiệp	UBND P. Ngọc Hiệp	NQ30; 30/7/2020	1.150	1.150			1.150	-1.150			-1.150															
149	Tu bổ di tích cấp tỉnh Đình Đồng Nhơn	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ35, 30/7/2020	2.700	2.430			2.430	-2.430			-2.430															
150	Tu bổ di tích cấp tỉnh Đình Trường Đông	phường Vĩnh Trường	BQL DA các CTXD NT	NQ31, 21/7/2023	13.000	13.000		2.500	10.500	-500			-500	12.500		2.500	10.000	10.000					10.000				10.000	
151	Tu bổ di tích cấp tỉnh Đình Vĩnh Điềm	P. Ngọc Hiệp	UBND P. Ngọc Hiệp	NQ31, 30/7/2020	2.798	2.518			2.518	-2.518			-2.518															
152	Tu bổ di tích cấp tỉnh Đình Bích Đầm	P.Vĩnh Nguyên	UBND P.Vĩnh Nguyên	NQ36, 30/7/2020	4.148	3.648			3.648	-3.648			-3.648															
153	Tu bổ di tích Miếu Thiên Hậu Hải Nam	P.Ngọc Hiệp	UBND P.Ngọc Hiệp	NQ59, 26/3/2021	1.160	1.080			1.080	-1.080			-1.080															
154	Sửa chữa nhà văn hóa tổ dân phố 10, 11, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ154; 30/10/2020	1.015	700			700	-213			-213	487			487	487					487		487			
155	Sửa chữa nhà văn hóa tổ dân phố 5, 6, 9, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ156; 30/10/2020	1.150	700			700	-186			-186	514			514	514					514			514		
156	Sửa chữa nhà văn hóa tổ dân phố tổ 8 phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ157; 30/10/2020	1.000	708			708	-46			-46	662			662	662					662		662			
157	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa tổ 02 Phước An Nam, phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ136; 30/9/2021	800	560			560	-128			-128	432			432	432					432		432			
158	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa tổ 02 Phước An Bắc, phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ137; 30/9/2021	800	560			560	-161			-161	399			399	399					399		399			
159	Cải tạo nhà văn hóa và trực ban bảo vệ dân phố tổ 7, tổ 8, phường Phương Sài	Phường Phương Sài	UBND Phường Phương Sài	NQ 178; 24/12/2021	700	490			490	-44			-44	446			446	446					446		446			
160	Nâng cấp, cải tạo trung tâm văn hóa thể thao xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 187; 24/12/2021	1.096	767			767	-12			-12	755			755	755					755		755			
161	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Vĩnh Thành, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 41; 27/5/2022	900	720			720	-132			-132	588			588	588					588		588			
162	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Đắc Lộc 2, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 42; 27/5/2022	900	720			720	-68			-68	652			652	652					652		652			
163	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Hòn Nghê 2, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 11; 27/5/2022	1.224	970			970	-84			-84	886			886	886					886		886			
164	Sửa chữa nhà văn hóa Khóm Đồng Dưa, Khóm Thái Nguyên, Khóm Máy Nước, Khóm Quốc Tuấn, Khóm Vườn Dương, phường Phước Tân,	Phường Phước Tân	UBND phường Phước Tân	NQ 88 28/7/2022	1.171	937			937	-407			-407	530			530	530					530				530	
165	Nâng cấp sửa chữa nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 84 28/7/2022	680	680			680	-43			-43	637			637	637					637		637			
166	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 85 28/7/2022	1.500	1.200			1.200	-220			-220	980			980	980					980			980		
167	Trang bị phần mềm quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố	Thành phố Nha Trang	Phòng QLĐT	NQ 169; 30/10/2021	1.200	1.200			1.200					1.200			1.200	1.200					1.200				1.200	
168	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa tổ 01 Phước An Bắc, phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 149 07/10/2022	749	599			599	-26			-26	573			573		573				573			573		
169	Cải tạo, sửa chữa đài liệt sỹ phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 145 07/10/2022	698	698			698	-33			-33	665			665		665				665			665		
170	Xây dựng nhà văn hóa 90 Đồng Nai, phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 141 07/10/2022	1.930	1.540			1.540	-35			-35	1.505			1.505	1.505					1.505				1.505	
171	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa tổ 1, 2 Phước Toàn Đông, phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ138; 30/9/2021	800	560			560	-24			-24	536			536	536					536		536			
172	Lắp đặt biển tên các tuyến đường chưa có tên trên địa bàn thành phố	Thành phố Nha Trang	Phòng QLĐT	NQ145; 30/9/2021	600	600			600	-36			-36	564			564	564					564		564			
173	Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông (07 xã, phường)	Vĩnh Hiệp, Vĩnh Phương, Vĩnh Thái, [illegible]	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 182 21/12/2022	8.455	8.455			8.455	-49			-49	8.406			8.406	8.406					8.406				8.406	
174	Triển khai thí điểm (app) Công dân số tương tác phục vụ người dân thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Phòng VH&TT	NQ167 21/12/2022	3.214	3.214			3.214	-3.214			-3.214															
175	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa 21 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ	Phường Lộc Thọ	UBND phường Lộc Thọ	NQ 183 25/12/2022	980	784			784	-39			-39	745			745	745					745				745	
176	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa tổ Phước Lộc, phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 187; 25/12/2022	980	784			784	-47			-47	737			737	737					737				737	
177	Cải tạo, sửa chữa nhà bia liệt sỹ phường Xương Huân, khu vệ sinh, cổng, tường rào (số 73, đường Bến Chợ)	Phường Xương Huân	UBND phường Xương Huân	NQ 05; 28/4/2023	593	593			593	-27			-27	566			566	566					566				566	
178	Nâng cấp, cải tạo Quảng trường 2 tháng 4 Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 15 28/4/2023	11.456	11.456			11.456	-981			-981	10.475			10.475	10.475					10.475			10.475		
179	Nâng cấp, cải tạo hệ thống chiếu sáng tượng đài Chiến Thắng	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 07 28/4/2023	1.200	1.200			1.200	-322			-322	878			878	878					878				878	
180	Xây dựng khu luyện tập trong nhà; nâng cấp, cải tạo tường rào, sân tennis ngoài trời tại Trung tâm tập luyện và thi đấu thể thao Nha Trang	Thành phố Nha Trang	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 45 28/4/2023	14.995	14.995			14.995	-995			-995	14.000			14.000	14.000					14.000				14.000	

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
							Trong đó:				Trong đó:							Trong đó:						Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng số	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu	Nguồn vốn thành phố quản lý	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
181	Sửa chữa Nhà văn hóa thôn Phú Trung 2, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 181; 21/12/2022	993	794			794	-56			-56	738			738	738					738				738	
182	Sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ186; 21/12/2022	993	794			794	-29			-29	765			765	765					765				765	
183	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Phước Tân, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 185; 21/12/2022	990	792			792	-61			-61	731			731	731					731				731	
184	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao khu vực Hòn Rớ, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 20 28/4/2023	3.913	3.913			3.913	-194			-194	3.719			3.719	3.719					3.719				3.719	
185	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 114 31/10/2023	3.284					2.627			2.627	2.627			2.627	2.627					2.627				2.627	
186	Đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (16 xã, phường), thành phố Nha Trang	16 xã, phường	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 129; 31/10/2023	13.000					12.350			12.350	12.350			12.350	12.350					12.350				12.350	
187	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa thôn Võ Cang, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 105 31/10/2023	981					785			785	785			785	785					785				785	
188	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 113 31/10/2023	970					776			776	776			776	776					776				776	
189	Cụm Pano tuyên truyền nhiệm vụ chính trị	Thành phố Nha Trang	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 58; 30/7/2020	1.050	830			830					830			830	830					830	830				
5	**Phát thanh, truyền hình, thông tấn**				**16.465**	**16.000**			**16.000**	**-5.824**			**-5.824**	**10.176**			**10.176**	**10.176**					**10.176**			**10.176**		
190	Nâng cấp, mua sắm, bổ sung hệ thống máy chủ an toàn thông tin và ứng phó sự cố bảo đảm an toàn thông tin mạng	Thành phố Nha Trang	Văn phòng HĐND & UBND thành phố	NQ 81 28/7/2022	5.900	5.900			5.900	-123			-123	5.777			5.777	5.777					5.777			5.777		
191	Nâng cấp hệ thống truyền thanh của Trung tâm VHTTTT	06 tô hiến thành	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ165, 30/10/2020	1.638	1.600			1.600	-1.600			-1.600															
192	Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thôn tin - viễn thông	Xã Vĩnh Trung; Vĩnh Hiệp; Phước Đồng; Vĩnh	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ146; 30/9/2021	8.927	8.500			8.500	-4.101			-4.101	4.399			4.399	4.399					4.399			4.399		
6	**Thể dục, thể thao**				**3.410**	**2.808**			**2.808**					**2.808**			**2.808**	**2.808**					**2.808**	**1.833**	**975**			
193	Nâng cấp mặt sân nhà thi đấu đa năng và mái che nhà để xe tại Trung tâm Tập luyện và Thi đấu Thể thao thành phố Nha Trang	12 Thi Sách	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 57; 30/7/2020	1.120	715			715					715			715	715					715	715				
194	Xây dựng nhà điều hành, cải tạo khu vệ sinh nhà đa năng tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao Hòn Rớ	Xã Phước Đồng	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 95; 10/9/2020	1.220	1.118			1.118					1.118			1.118	1.118					1.118	1.118				
195	Nâng cấp, cải tạo khán đài sân vận động tại Trung tâm Tập luyện và Thi đấu Thể thao thành phố Nha Trang	Số 12 Đường Thi Sách, Phường Phước Hòa	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 56; 30/7/2020	1.070	975			975					975			975	975					975		975			
7	**Y tế, dân số và gia đình**				**24.798**	**22.265**			**22.265**	**-965**			**965**	**21.300**			**21.300**	**21.300**					**21.300**	**9.437**	**10.766**		**1.097**	
196	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Vĩnh Nguyên - điểm đảo Trí Nguyên	Phường Vĩnh Nguyên	Trung tâm Y tế	NQ 64; 30/7/2020	1.200	1.150			1.150					1.150			1.150	1.150					1.150	1.150				
197	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Vĩnh Nguyên - điểm Bích Đầm	Phường Vĩnh Nguyên	Trung tâm Y tế	NQ 65; 30/7/2020	1.180	434			434					434			434	434					434	434				
198	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	Trung tâm Y tế	NQ 53; 30/7/2020	1.200	1.061			1.061					1.061			1.061	1.061					1.061	1.061				
199	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	Trung tâm Y tế	NQ 52; 30/7/2020	1.200	1.113			1.113					1.113			1.113	1.113					1.113	1.113				
200	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế Hòn Rớ, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	Trung tâm Y tế	NQ 54; 30/7/2020	1.200	701			701					701			701	701					701	701				
201	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	Trung tâm Y tế	NQ 68; 30/7/2020	1.200	1.080			1.080					1.080			1.080	1.080					1.080	1.080				
202	Sửa chữa cải tạo trạm y tế phường Lộc Thọ	Phường Lộc Thọ	Trung tâm Y tế	NQ 197; 24/12/2021	1.200	1.200			1.200	-61			-61	1.139			1.139	1.139					1.139		1.139			
203	Sửa chữa cải tạo trạm y tế phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	Trung tâm Y tế	NQ 198; 24/12/2021	1.200	1.200			1.200	-65			-65	1.135			1.135	1.135					1.135		1.135			
204	Sửa chữa cải tạo trạm y tế phường Phước Tân	Phường Phước Tân	Trung tâm Y tế	NQ 199; 24/12/2021	1.200	1.200			1.200	-57			-57	1.143			1.143	1.143					1.143		1.143			
205	Sửa chữa cải tạo trạm y tế phường Phước Hải	Phường Phước Hải	Trung tâm Y tế	NQ 203; 24/12/2021	1.200	1.200			1.200	-61			-61	1.139			1.139	1.139					1.139		1.139			
206	Sửa chữa cải tạo trạm y tế phường Tân Lập	Phường Tân Lập	Trung tâm Y tế	NQ 202; 24/12/2021	1.200	1.200			1.200	-111			-111	1.089			1.089	1.089					1.089		1.089			

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
207	Sửa chữa cải tạo trạm y tế phường Phương Sài	Phường Phương Sài	Trung tâm Y tế	NQ 201; 24/12/2021	800	800			800	-59			-59	741			741	741					741		741			
208	Sửa chữa cải tạo trạm y tế phường Xương Huân	Phường Xương Huân	Trung tâm Y tế	NQ 200; 24/12/2021	1.200	1.200			1.200	-125			-125	1.075			1.075	1.075					1.075		1.075			
209	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	Phòng Y tế	NQ 28; 27/5/2022	1.200	1.200			1.200	-99			-99	1.101			1.101	1.101					1.101		1.101			
210	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	Phòng Y tế	NQ 34; 27/5/2022	1.200	1.200			1.200	-95			-95	1.105			1.105	1.105					1.105		1.105			
211	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Vĩnh Thọ	Phường Vĩnh Thọ	Phòng Y tế	NQ 35; 27/5/2022	1.200	1.200			1.200	-101			-101	1.099			1.099	1.099					1.099		1.099			
212	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Vĩnh Nguyên	Phường Vĩnh Nguyên	Trung tâm Y tế	NQ 66; 30/7/2020	1.200	894			894					894			894	894					894	894				
213	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	Trung tâm Y tế	NQ 51; 30/7/2020	1.200	1.114			1.114					1.114			1.114	1.114					1.114	1.114				
214	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	Trung tâm Y tế	NQ 69; 30/7/2020	1.200	937			937					937			937	937					937	937				
215	Nâng cấp, cải tạo trạm y tế phường Phước Long – Hạng mục Khối nhà làm việc, cổng tường rào, sân nền, nhà xe	Phường Phước Long	Trung tâm Y tế	NQ 63; 17/7/2023	1.228	1.228			1.228	-131			-131	1.097			1.097	1.097					1.097				1.097	
216	Sửa chữa cải tạo cổng tường rào và nền sân trạm y tế xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	Trung tâm Y tế	NQ 67; 30/7/2020	1.190	953			953					953			953	953					953	953				
8	**Công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật**				**172.365**	**73.750**			**73.750**	**73.096**		**14.899**	**58.197**	**146.846**		**14.899**	**131.947**	**57.360**	**74.587**				**131.947**	**3.583**	**3.827**	**13.707**	**110.830**	
8.1	**Điện chiếu sáng**																											
217	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	UBND xã Vĩnh Lương	NQ 21; 20/01/2021	720	559			559					559			559		559				559	559				
218	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 123; 10/9/2020	905	631			631					631			631		631				631	631				
219	Điện chiếu sáng công cộng phường Vĩnh Thọ	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 58; 26/3/2021	600	573			573					573			573	573					573		573			
220	Thay thế đèn Led chiếu sáng công cộng và lắp đặt thiết bị điều khiển chiếu sáng thông minh trên tuyến đường Phạm Văn Đồng (đoạn từ Trần Phú đến Bãi Tiên)	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 159 07/10/2022	7.000	7.000			7.000	-784			-784	6.216			6.216	6.216					6.216				6.216	
221	Hệ thống chiếu sáng công cộng xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 143; 07/10/2022	1.111	1.110			1.110	-231			-231	879			879		879				879			879		
222	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 72 12/7/2023	962	962			962	-12			-12	950			950	950					950				950	
223	Thay thế đèn Led chiếu sáng công cộng và lắp đặt thiết bị điều khiển chiếu sáng thông minh trên tuyến đường 23/10	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 160 07/10/2022	5.500	5.500			5.500	-76			-76	5.424			5.424	5.424					5.424				5.424	
224	Thay thế đèn Led chiếu sáng công cộng đường Thái Nguyên, Lê Thánh Tôn, Yersin, Trần Hưng Đạo	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 54 23/6/2020	3.000	2.905			2.905	-768			-768	2.137			2.137	2.137					2.137		2.137			
225	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng đường Hoàng Diệu	Đường Hoàng Diệu	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 194; 24/12/2021	1.200	1.200			1.200	-83			-83	1.117			1.117	1.117					1.117		1.117			
226	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống chiếu sáng bãi biển đường Trần Phú (đoạn từ đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Ana Mandara)	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 172 25/12/2022	6.000	6.000			6.000	-457			-457	5.543			5.543	5.543					5.543				5.543	
227	Lắp đặt cụm trang trí anh sáng tại công viên bờ biển thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 140 07/12/2023	13.000					12.350			12.350	12.350			12.350		12.350				12.350				12.350	
228	Sửa chữa, thay thế hệ thống điện chiếu sáng tại Trung tâm Tập luyện và Thi đấu Thể thao thành phố Nha Trang	Số 12 Đường Thi Sách	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 96; 10/9/2020	1.230	1.117			1.117					1.117			1.117		1.117				1.117	1.117				
229	Hệ hống điện chiếu sáng công cộng phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND P.Vĩnh Hòa	NQ 118 31/10/2023	1.247					1.247			1.247	1.247			1.247	1.247					1.247				1.247	
230	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè và xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung đường Lê Thánh Tôn	P. Lộc Thọ	BQL DA các CTXD NT	NQ 116, 31/10/2023	34.843					33.000			33.000	33.000			33.000		33.000				33.000				33.000	
231	Trạm biến áp 160 kVA cấp điện cho Trung tâm Tập luyện và Thi đấu Thể thao thành phố Nha Trang	Số 12 Đường Thi Sách	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 94; 10/9/2020	1.210	1.150			1.150	-1.150			-1.150															
8.2	**Cây xanh, công viên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật tái định cư**																											
232	Nâng cấp, cải tạo vườn hoa ngã 3 Cao Minh Phi - Mương thoát lũ, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 173; 10/12/2020	1.300	1.276			1.276					1.276			1.276		1.276				1.276	1.276				
233	Sửa chữa, cải tạo công viên Sứa Biển	Phường Lộc Thọ	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 171 25/12/2022	2.298	2.298			2.298	-150			-150	2.148			2.148	2.148					2.148				2.148	
234	Nhà vệ sinh ngầm công viên 23-10	Phường Phương Sài	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 173; 24/12/2021	1.700	1.700			1.700	-22			-22	1.678			1.678	1.678					1.678			1.678		
235	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu TĐC Chò Vò, phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 53 12/7/2023	14.921	14.921			14.921	-13.921			-13.921	1.000			1.000	1.000					1.000				1.000	
236	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo hạ tầng Khu dân cư tổ 3, tổ 5 Trường Sơn, phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 12; 28/4/2023	11.848	11.848			11.848	-121			-121	11.727			11.727	11.727					11.727				11.727	

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
237	Xây dựng vườn hoa thôn Lương Sơn 3, xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	UBND xã Vĩnh Lương	NQ 115 31/10/2023	6.792					6.450			6.450	6.450			6.450	6.450					6.450				6.450	
238	Nâng cấp, cải tạo công viên Tháp Trầm Hương	Phường Lộc Thọ	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 136 07/12/2023	4.079					3.875			3.875	3.875			3.875		3.875				3.875				3.875	
239	Trồng cây xanh dải phân cách đường vành đai 2 - Nhánh phía Nam	Phường Phước Hải	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 135 07/12/2023	14.899					14.899		14.899		14.899		14.899												
240	Nâng cấp, cải tạo công viên bờ biển đoạn từ quảng trường 2/4 đến Tuệ Tĩnh	Phường Lộc Thọ	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 139; 07/12/2023	13.500					12.825			12.825	12.825			12.825		12.825				12.825				12.825	
241	Cải tạo, chỉnh trang công viên 23/10	Phường Phương Sài	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 13; 07/12/2023	8.500					8.075			8.075	8.075			8.075		8.075				8.075				8.075	
242	Xây dựng công viên khu vực giáp ranh giữa đường N1 và khu TDC Hòn Rớ 1	Xã Phước Đồng	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 53 23/6/2021	14.000	13.000			13.000	-1.850			-1.850	11.150			11.150	11.150					11.150			11.150		
9	Cấp nước, thoát nước				276.662	210.961			210.961	33.418			33.418	244.379			244.379	194.716	41.963			7.700	244.379	39.743	34.009	40.152	130.475	
243	Hệ thống thoát nước từ nhà ông Nguyễn Văn Tuấn đến nhà ông Lê Huy Cường	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 71; 30/7/2020	1.240	920			920					920			920		920				920	920				
244	Hệ thống thoát nước và nâng cấp mặt đường khu tập thể Z753 (từ nhà ông Bùi Đức Quang đến nhà ông Lê Quang Hảo)	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 70; 30/7/2020	1.250	330			330					330			330	330					330	330				
245	Hệ thống thoát nước đường Sử Hy Nhan, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 46; 16/3/2021	1.200	1.109			1.109					1.109			1.109		1.109				1.109	1.109				
246	Hệ thống thoát nước và nâng cấp mặt đường từ nhà bà Nguyễn thị Lan đến nhà ông Hồ Xuân Thuận	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 30; 30/7/2020	1.270	736			736					736			736		736				736	736				
247	Hệ thống thoát nước các hẻm còn lại tổ 8 Ba Làng, Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 48; 26/3/2021	1.200	1.200			1.200	-492			-492	708			708	708					708		708			
248	Hệ thống thoát nước hẻm 216 Đồng Nai, phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 146 07/10/2022	1.200	1.200			1.200	-99			-99	1.101			1.101	1.101					1.101			1.101		
249	Hệ thống thoát nước các tuyến hẻm phường Vĩnh Thọ	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 156 07/10/2022	1.135	1.135			1.135	-257			-257	878			878		878				878			878		
250	Giải quyết thoát nước khu vực tổ 2 Bình Tân, Phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 163 07/10/2022	3.530	3.530			3.530	-190			-190	3.340			3.340	3.340					3.340			3.340		
251	Giải quyết thoát nước khu vực tổ 1, 2, 3 Vĩnh Điềm, phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	UBND Phường Ngọc Hiệp	NQ 150 07/10/2022	9.150	9.150			9.150	-593			-593	8.557			8.557	8.557					8.557			8.557		
252	Hệ thống thoát nước từ nhà bà Hương đến nhà bà Minh, tổ 34 Sơn Hải	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 163; 30/10/2020	1.270	475			475					475			475		475				475	475				
253	Hệ thống thoát hẻm số 29 Chữ Đồng Tử	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 162; 30/10/2020	1.230	1.200			1.200	-240			-240	960			960	960					960		960			
254	Hệ thống thoát nước hẻm 35 Nguyễn Đình Chiểu	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 161; 30/10/2020	1.200	625			625					625			625		625				625	625				
255	Hệ thống thoát nước và cải tạo vỉa hè các tuyến đường Phương Câu và Đào Duy Từ	Phường Vạn Thạnh	UBND Phường Vạn Thạnh	NQ 136; 30/10/2020	1.200	648			648					648			648		648				648	648				
256	Hệ thống thoát nước các tuyến hẻm tổ 9,10 Tây Nam, phường Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	UBND phường Vĩnh Hải	NQ 49; 26/03/2021	2.800	2.450			2.450					2.450			2.450	2.450					2.450		2.450			
257	Hệ thống thoát nước các tuyến hẻm tổ 5 Thanh Hải, Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	UBND phường Vĩnh Hải	NQ 50; 26/03/2021	1.000	944			944					944			944		944				944	944				
258	Hệ thống thoát nước các tuyến hẻm tổ 24 Tây Bắc, Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	UBND phường Vĩnh Hải	NQ 51; 26/03/2021	1.200	836			836	53			53	889			889	889					889		889			
259	Hệ thống thoát nước hẻm 68 Phú Xương, Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	UBND phường Vĩnh Hải	NQ 52; 26/3/2021	1.200	1.117			1.117					1.117			1.117	1.117					1.117	1.117				
260	Hệ thống đấu nối nước thải sinh hoạt và cải tạo vỉa hè các tuyến đường Nguyễn Thái Học, Tăng Bạt Hổ, phường Vạn Thạnh	Phường Vạn Thạnh	UBND Phường Vạn Thạnh	NQ 137; 30/10/2020	2.115	1.591			1.591					1.591			1.591		1.591				1.591	1.591				
261	Hệ thống thoát nước hẻm tổ 13, 14 Đường Đệ (từ nhà ông Trần Xem đến nhà ông Trần Văn Hương; từ nhà ông Nguyễn Văn Quý đến nhà ông Trần Hữu Đức; nhà ông Trần Văn Hùng đến nhà ông Nguyễn Hiếu)	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 31; 30/7/2020	1.290	1.101			1.101					1.101			1.101		1.101				1.101	1.101				
262	Hệ thống thoát nước tuyến đường Cao Văn Bé và các hẻm tiếp giáp	Phường Vĩnh Phước	UBND phường Vĩnh Phước	NQ 79; 30/7/2020	7.900	6.256			6.256	545			545	6.801			6.801		6.801				6.801	6.256		545		
263	Hệ thống thoát nước hẻm 880 đường 2/4, phường Vĩnh Phước	Phường Vĩnh Phước	UBND phường Vĩnh Phước	NQ 56 26/3/2021	830	830			830	-316			-316	514			514	514					514		514			
264	Hệ thống thoát nước đường Đoàn Trần Nghiệp, phường Vĩnh Phước	Phường Vĩnh Phước	UBND phường Vĩnh Phước	NQ 54 26/3/2021	2.800	2.800			2.800	-160			-160	2.640			2.640	2.640					2.640		2.640			
265	Hệ thống thoát nước hẻm 106 Ngô Đến, phường Vĩnh Phước	Phường Vĩnh Phước	UBND phường Vĩnh Phước	NQ 55 26/3/2021	1.200	1.200			1.200	-536			-536	664			664	664					664		664			
266	Hệ thống thoát nước và nâng cấp đường trước HTX Song Thủy	Phường Vĩnh Phước	UBND phường Vĩnh Phước	NQ 57 26/3/2021	1.200	1.200			1.200	-206			-206	994			994	994					994		994			

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
267	Hệ thống thoát nước hèm 52 Trương Định, 15 Chi Lăng, phường Phước Hòa	Phường Phước Hòa	UBND Phường Phước Hòa	NQ 46; 26/3/2021	700	327			327					327			327	327					327	327				
268	Hệ thống thoát nước hèm 106, 118 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài	Phường Phương Sài	UBND phường Phương Sài	NQ 34; 30/7/2020	1.000	1.000			1.000	-212			-212	788			788	788					788	788				
269	Hệ thống thoát nước hèm 92 Phương Sài và hèm 42 Bến Cá	Phường Phương Sài	UBND phường Phương Sài	NQ 35; 30/7/2020	1.000	677			677					677			677	677					677	677				
270	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước cụm hèm 10, 33 Phan Đình Giót	Phường Phương Sài	UBND phường Phương Sài	NQ 33; 30/7/2020	1.200	1.114			1.114					1.114			1.114	1.114					1.114	1.114				
271	Hệ thống thoát nước hèm 125 đường Phương Sài, phường Phương Sơn	Phường Phương Sơn	UBND phường Phương Sơn	NQ 105; 10/9/2020	1.200	1.071			1.071					1.071			1.071	1.071					1.071	1.071				
272	Hệ thống thoát nước các hèm còn lại của tổ 11 Vĩnh Hội, phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	UBND Phường Ngọc Hiệp	NQ 146; 10/9/2020	1.140	1.021			1.021					1.021			1.021	1.021					1.021	1.021				
273	Hệ thống thoát nước hèm chùa Phổ Tịnh tổ 1 Vĩnh Điềm	Phường Ngọc Hiệp	UBND Phường Ngọc Hiệp	NQ 17; 20/01/2021	1.900	1.424			1.424					1.424			1.424	1.424					1.424	1.424				
274	Hệ thống thoát nước hèm tổ 1 Vĩnh Điềm (bên hông chợ) và hèm tổ 2 Vĩnh Điềm (bên hông trụ sở UBND phường), phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	UBND Phường Ngọc Hiệp	NQ 180; 10/12/2020	1.200	1.037			1.037					1.037			1.037	1.037					1.037	1.037				
275	Hệ thống thoát nước hèm từ nhà ông Xuân 274/26 Hương Lộ Ngọc Hiệp, phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	UBND Phường Ngọc Hiệp	NQ 99; 10/9/2020	1.090	1.015			1.015					1.015			1.015	1.015					1.015	1.015				
276	Hệ thống thoát nước tổ 3, thôn Phú Trung 2, Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 18; 27/5/2022	2.950	1.900			1.900	892			892	2.792			2.792	2.792					2.792			2.792		
277	Hệ thống thoát nước khu vực hèm Phú Tân - Phú Thịnh, thôn Phú Thạnh 2, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 14; 27/5/2022	2.200	2.200			2.200	-125			-125	2.075			2.075	2.075					2.075			2.075		
278	Nâng cấp đường và giải quyết thoát nước đường Nguyễn Hoành, tổ 4 Trường Sơn, phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 30; 27/5/2022	496	490			490	-52			-52	438			438	438					438		438			
279	Giải quyết thoát nước đường Nguyễn Phúc Tần, tổ 2 Trường Sơn, phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 31; 27/5/2022	1.199	1.190			1.190	-74			-74	1.116			1.116	1.116					1.116		1.116			
280	Khắc phục ngập úng khu dân cư tổ 4 thôn Vĩnh Điềm Trung, xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 09; 27/5/2022	2.583	2.580			2.580	-733			-733	1.847			1.847	1.847					1.847			1.847		
281	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước hèm 171/40, 240 & 250 Tân Hải, tổ 4 Bình Tân, phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 32; 27/5/2022	1.200	1.200			1.200	-119			-119	1.081			1.081	1.081					1.081		1.081			
282	Hệ thống thoát nước hèm 138, 190 Đồng Nai, phường Phước Hải	phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 40; 27/5/2022	1.200	1.200			1.200	-111			-111	1.089			1.089	1.089					1.089		1.089			
283	Hệ thống thoát nước đường Gò Găng, xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 08; 27/5/2022	2.600	2.600			2.600	-228			-228	2.372			2.372	2.372					2.372			2.372		
284	Hệ thống thoát nước các nhánh hèm 102 Chính Hữu, xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	UBND xã Vĩnh Lương	NQ 44; 27/5/2022	2.899	2.890			2.890	-445			-445	2.445			2.445	2.445					2.445			2.445		
285	Hệ thống cống cấp 3 thu gom nước thải khu Tây mương Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 49 27/5/2022	26.500	26.000			26.000	-900			-900	25.100			25.100	17.400				7.700	25.100				25.100	
286	Hệ thống thoát nước hèm 620 đường 23/10, xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 06; 27/5/2022	1.200	1.200			1.200	-440			-440	760			760	760					760		760			
287	Hệ thống thoát nước từ nhà bà Thủy đến nhà bà Khánh, từ nhà ông Thành đến nhà ông Bửu, phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	UBND Phường Ngọc Hiệp	NQ 145; 30/10/2020	1.200	1.115			1.115					1.115			1.115	1.115					1.115	1.115				
288	Hệ thống thoát nước cụm hèm tổ 15 Ngọc Hội Ngọc Sơn (đoạn từ trường mẫu giáo Ngọc Sơn đến nhà bà Hoàng Thị Ngọc Bích và ông Nguyễn Đức Vương), phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	UBND Phường Ngọc Hiệp	NQ 98; 10/9/2020	1.200	1.200			1.200	-430			-430	770			770	770					770		770			
289	Hệ thống thoát nước tổ 13, 14 các tuyến hèm tổ 13, 14 Ngọc Thảo, phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	UBND Phường Ngọc Hiệp	NQ 99; 10/9/2020	5.400	5.400			5.400	-400			-400	5.000			5.000	5.000					5.000		5.000			
290	Hệ thống thoát nước khu vực đường Trần Phú (đoạn từ Kho xăng dầu Phú Khánh đến bệnh viện VinMec)	Phường Vĩnh Nguyên	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 152; 30/9/2021	6.000	6.000			6.000	-600			-600	5.400			5.400	5.400					5.400		5.400			
291	Hệ thống thoát nước hèm 33 Phước Long	Phường Phước Long	UBND phường Phước Long	NQ 101; 10/9/2020	1.100	1.025			1.025					1.025			1.025	1.025					1.025	1.025				
292	Hệ thống thoát nước hèm 86 Phước Long	Phường Phước Long	UBND phường Phước Long	NQ 103; 10/9/2020	1.080	530			530					530			530	530					530	530				

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
							Trong đó:				Trong đó:							Trong đó:						Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng số	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu	Nguồn vốn thành phố quản lý	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
293	Hệ thống thoát nước hẻm 43/5 Phước Long	Phường Phước Long	UBND phường Phước Long	NQ 102; 10/9/2020	1.080	1.007			1.007					1.007			1.007	1.007					1.007	1.007				
294	Hệ thống thoát nước hẻm 4/1 Chế Lan Viên và hẻm 17 Phước Long, tổ 1 Phước Thành, phường Phước Long	Phường Phước Long	UBND phường Phước Long	NQ 109; 10/9/2020	530	473			473					473			473	473					473	473				
295	Hệ thống thoát nước hẻm 9 Phước Tường và hẻm 28 Võ Thị Sáu, phường Phước Long	Phường Phước Long	UBND phường Phước Long	NQ 100; 10/9/2020	640	453			453					453			453	453					453	453				
296	Nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước cụm hẻm đào Bích Đầm, phường Vĩnh Nguyên	Phường Vĩnh Nguyên	UBND phường Vĩnh Nguyên	NQ 11; 10/9/2020	2.998	2.338			2.338					2.338			2.338	2.338					2.338	2.338				
297	Hệ thống thoát nước thải hẻm tổ 01 Tây Sơn, phường Vĩnh Nguyên	Phường Vĩnh Nguyên	UBND phường Vĩnh Nguyên	NQ 111; 10/9/2020	1.200	986			986					986			986	986					986	986				
298	Hệ thống thoát nước tuyến hẻm 342, 348, 354 đường Võ Thị Sáu	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 114; 10/9/2020	1.000	944			944					944			944	944					944	944				
299	Hệ thống thoát nước tuyến hẻm 306, 312, 320 đường Võ Thị Sáu,Trường Đông	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 115; 10/9/2020	1.200	1.116			1.116					1.116			1.116	1.116					1.116	1.116				
300	Hệ thống thoát nước đường Võ Văn Hảo và đường tổ 2 Trường Thọ, phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 117; 10/9/2020	2.900	2.800			2.800					2.800			2.800	2.800					2.800	2.800				
301	Hệ thống thoát nước đường Tân Hòa (đoạn từ nhà bà Ngang đến nhà bà Hoa, nhà bà Hoa đến nhà bà Liễu)	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 113; 10/9/2020	1.200	1.116			1.116					1.116			1.116	1.116					1.116	1.116				
302	Hệ thống thoát nước các tuyến hẻm liên tổ 6 Trường Sơn và tổ 1 Trường Đông	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 112; 10/9/2020	1.200	1.085			1.085					1.085			1.085	1.085					1.085	1.085				
303	Hệ thống thoát nước đường số 6 tổ 11 Hòa Trung, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 55 23/6/2021	3.300	2.600			2.600	600			600	3.200			3.200	3.200					3.200		3.200			
304	Hệ thống thoát nước hẻm 01 Đinh Tiên Hoàng; hẻm 164 Hùng Vương, phường Lộc Thọ	Phường Lộc Thọ	UBND phường Lộc Thọ	NQ 16 20/01/2021	650	374			374	14			14	388			388	388					388		388			
305	Hệ thống thoát nước hẻm Tuệ Tĩnh, phường Lộc Thọ	Phường Lộc Thọ	UBND phường Lộc Thọ	NQ 44 20/01/2021	1.200	778			778					778			778	778					778		778			
306	Hệ thống thoát nước hẻm 40 Tân An, phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 45; 20/01/2021	1.250	1.200			1.200	-93			-93	1.107			1.107	1.107					1.107		1.107			
307	Sửa chữa, cải tạo hệ thống thoát nước hẻm 72, 86, 135 Nguyễn Thái Học và đường Tân Trang, phường Vạn Thạnh	Phường Vạn Thạnh	UBND Phường Vạn Thạnh	NQ 147; 30/92021	1.200	1.200			1.200	-637			-637	563			563	563					563		563			
308	Hệ thống cống cấp 3 thu gom nước thải, khu Dông Mương Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 134; 30/9/2021	20.000	20.000			20.000	-3.300			-3.300	16.700			16.700	16.700					16.700		2.500	14.200		
309	Hệ thống thoát nước khu vực thôn Thủy Tú, xã Vĩnh Thái	Xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 08 28/4/2023	6.300	6.300			6.300	-148			-148	6.152			6.152	6.152					6.152				6.152	
310	Hệ thống thoát nước các tuyến hẻm đường Củ Chi, Bắc Sơn, phường Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	UBND Phường Vĩnh Hải	NQ 70; 12/7/2023	6.643	6.643			6.643	-1.222			-1.222	5.421			5.421	5.421					5.421				5.421	
311	Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước khu vực tổ 2 Hòa Tây, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 68; 12/7/2023	6.800	6.324			6.324	-324			-324	6.000			6.000	6.000					6.000				6.000	
312	Cải tạo hệ thống thoát nước các tuyến hẻm còn lại khu vực Sơn Thủy, phường Vĩnh Phước	Phường Vĩnh Phước	UBND Phường Vĩnh Phước	NQ 74; 12/7/2023	8.151	8.151			8.151	-829			-829	7.322			7.322	7.322					7.322				7.322	
313	Hệ thống thoát nước đường Bầu Mâc, thôn Phú Trung 2, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 58; 12/7/2023	3.700	3.700			3.700	-95			-95	3.605			3.605	3.605					3.605				3.605	
314	Xử lý ngập úng đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ đường Lư Giang đến Tỉnh lộ 3)	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 09 28/4/2023	8.000	8.000			8.000	-560			-560	7.440			7.440	7.440					7.440				7.440	
315	Hệ thống thoát nước đường 23/10 khu vực Cty Cp Toyota Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 176 24/12/2021; NQ 19/10/2023	6.500	4.500			4.500	1.500			1.500	6.000			6.000	6.000					6.000				6.000	
316	Hệ thống thoát nước tuyến chính từ nhà ông Nguyễn Công Trượng đến nhà bà Nguyễn Thị Tú và các tuyến nhánh tổ 14 phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	UBND phường Ngọc Hiệp	NQ 10; 28/4/2023	9.547	9.547			9.547	-1.042			-1.042	8.505			8.505	8.505					8.505				8.505	
317	Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước các cụm hẻm tổ 09, 10 Hòa Bắc, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 27; 28/4/2023	4.179	4.000			4.000	-105			-105	3.895			3.895	3.895					3.895				3.895	
318	Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước các cụm hẻm tổ 12, 17 Hòa Trung, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 26 28/4/2023	5.208	4.908			4.908	-13			-13	4.895			4.895	4.895					4.895				4.895	
319	Hệ thống tuyến cống cấp 3 thoát nước thải trên địa bàn phường Phương Sơn	Phường Phương Sơn	UBND P.Phương sơn	NQ 119; 31/10/2023	1.860					1.860			1.860	1.860			1.860	1.860					1.860				1.860	

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
320	Hệ thống tuyến cống cấp 3 thoát nước thải trên địa bàn phường Phước Hải	Phường Phước Hải	UBND P. Phước Hải	NQ 101; 31/10/2023	9.299					9.200			9.200	9.200			9.200		9.200				9.200				9.200	
321	Hệ thống thoát nước cụm các tuyến còn lại tổ 13 phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	UBND P. Ngọc Hiệp	NQ 120; 31/10/2023	9.130					8.670			8.670	8.670			8.670		8.670				8.670				8.670	
322	Hệ thống thoát nước khu vực tổ 15, 16, 17 Tây Nam và tổ 18, 19, 20 Tây Bắc, phường Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	UBND P. Vĩnh Hải	NQ 125; 31/10/2023	14.000					13.300			13.300	13.300			13.300	13.300					13.300				13.300	
323	Hệ thống thoát nước khu vực tổ 10, 11, 12 Vĩnh Hội, phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	UBND P.Ngọc Hiệp	NQ 130, 31/10/2023	8.700					8.265			8.265	8.265			8.265		8.265				8.265				8.265	
324	Hệ thống thoát nước khu vực nhà thờ Bình Cang; hẻm 806, hẻm 812 đường Lương Định Của, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh trung	NQ 100; 31/10/2023	5.100					4.845			4.845	4.845			4.845	4.845					4.845				4.845	
325	Hệ thống thoát nước các tuyến hẻm phường Tân Lập	Phường Tân Lập	UBND phường Tân Lập	NQ 109; 10/9/2020	950	429			429					429			429	429					429	429				
10	**Giao thông**				**412.732**	**325.940**			**325.940**	**-1.273**			**-1.273**	**324.667**			**324.667**	**323.552**	**1.115**				**324.667**	**58.258**	**32.336**	**87.780**	**146.293**	
10.1	**Đường giao thông đầu tư theo quy hoạch**																											
326	Đường 38 KDC Xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	1452; 19/5/2022	18.365					7.000			7.000	7.000			7.000	7.000					7.000				7.000	
327	Nâng cấp, mở rộng đường Ngô Quyền	Phường Xương Huân	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 153; 30/10/2020	9.855	9.855			9.855	-1.300			-1.300	8.555			8.555	8.555					8.555	5.000	3.555			
10.2	**Đường giao thông đầu tư theo hiện trạng**																											
328	Nâng cấp, cải tạo đường Ngô Gia tự	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 170; 10/12/2020	20.000	18.576			18.576	224			224	18.800			18.800	18.800					18.800			7.000	11.800	
329	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Trãi	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 150; 30/10/2020	14.900	9.093			9.093	-514			-514	8.579			8.579	8.579					8.579	7.539	1.040			
330	Nâng cấp, cải tạo đường Lê Thành Phương	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 147; 30/10/2020	7.300	4.438			4.438					4.438			4.438	4.438					4.438	4.438				
331	Nâng cấp, cải tạo đường Thống Nhất và đường Phan Bội Châu	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 152; 30/10/2020	11.750	7.075			7.075					7.075			7.075	7.075					7.075	7.075				
332	Nâng cấp, cải tạo đường Lý Thánh Tôn (đoạn từ ngã 6 nhà thờ Núi đến đường yersin)	Thành phố Nha Trang	Phòng QLĐT	NQ175 25/12/2022	5.500	5.500			5.500	-1.302			-1.302	4.198			4.198	4.198					4.198				4.198	
333	Nâng cấp, cải tạo đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Lê Thánh Tôn đến đường Yersin)	Thành phố Nha Trang	Phòng QLĐT	NQ 16 28/4/2023	13.700	10.163			10.163	3.362			3.362	13.525			13.525	13.525					13.525				13.525	
334	Nâng cấp, cải tạo đường Lý Ông Trọng, Lý Phục Mang và các tuyến nhánh	Phường Vĩnh Phước	UBND phường Vĩnh Phước	NQ 69 , 12/7/2023	5.800	5.220			5.220	156			156	5.376			5.376	5.376					5.376				5.376	
335	Nâng cấp, cải tạo mặt đường Hoàng Diệu (từ Trần Phú đến nút giao N7)	Thành phố Nha Trang	Phòng QLĐT	NQ 174 21/12/2022	5.700	5.700			5.700	-1.088			-1.088	4.612			4.612	4.612					4.612				4.612	
336	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước các tuyến hẻm 563, 577, 587 đường 23/10, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 180 25/12/2022	970	892			892	10			10	902			902	902					902				902	
337	Nâng cấp đường Gò Chùa, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 179 25/12/2022	900	810			810	-54			-54	756			756	756					756				756	
338	Nâng cấp đường Bầu Trâm và các tuyến nhánh thôn Phú Trung 1, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 178 25/12/2022	970	873			873					873			873	873					873				873	
339	Nâng cấp hẻm 222 đường Lương Định Của, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 184 25/12/2022	990	891			891	-211			-211	680			680	680					680				680	
340	Cải tạo vỉa hè, mặt đường và nâng cấp hệ thống thoát nước đường Tôn Thất Tùng, phường Vĩnh Thọ	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 17 28/4/2023	3.636	2.800			2.800	605			605	3.405			3.405	3.405					3.405				3.405	
341	Nâng cấp đường Nguyễn Hoành (đoạn trước Trường THCS Trần Hưng Đạo)	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 177 25/12/2022	850	850			850	-60			-60	790			790	790					790				790	
342	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè, giải phân cách đường Nguyễn Văn Linh (đoạn cuối), xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 25/12/2022	1.182	1.182			1.182	9.774			9.774	10.956			10.956	10.956					10.956				10.956	
343	Nâng cấp đường và cải tạo, nạo vét hệ thống thoát nước khu vực Tân Phước - Tân Hải, phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 32; 28/4/2023	980	920			920	-38			-38	882			882	882					882				882	
344	Sửa chữa, cải tạo đường Thủy Xưởng thành phố Nha Trang	Phường phương Sơn	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 31; 28/4/2023 và NQ 93 31/10/2022	2.875	2.875			2.875	-145			-145	2.730			2.730	2.730					2.730				2.730	

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
							Trong đó:				Trong đó:							Trong đó:					Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng số	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu	Nguồn vốn thành phố quản lý	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
345	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè phía Tây đường Trần Phú (đoạn từ đường Lê Lợi đến hội trường 46 Trần Phú)	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 30; 28/4/2023	10.500	10.500			10.500	-2.149			-2.149	8.351			8.351	8.351					8.351				8.351	
346	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước đường Nguyễn Biểu (đoạn từ hèm bê tông xi măng hiện trạng đến đường 2/4), phường Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	UBND phường Vĩnh Hải	NQ 22 28/4/2023	2.913	2.713			2.713					2.713			2.713	2.713					2.713				2.713	
347	Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước khu vực cồn Nhất Trí, phường Vĩnh Phước	Phường Vĩnh Phước	UBND Phường Vĩnh Phước	NQ 21 ; 28/4/2023	7.264	6.789			6.789	51			51	6.840			6.840	6.840					6.840				6.840	
348	Điều chỉnh hệ thống biển báo phản lân trên các tuyến đường Trần Phú, đường Hùng Vương, đường Nguyễn Thiện Thuật	Thành phố Nha Trang	Phòng QLĐT	NQ 21; 27/5/2022	2.700	2.700			2.700	-1.652			-1.652	1.048			1.048	1.048					1.048		1.048			
349	Láng bê tông và hệ thống thoát nước hèm 900 đường 23/10, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 15; 27/5/2022	1.500	1.300			1.300	21			21	1.321			1.321	1.321					1.321			1.321		
350	Láng bê tông và hệ thống thoát nước cụm hèm Nguyễn Công Khanh, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 17; 27/5/2022	1.700	1.500			1.500	-14			-14	1.486			1.486	1.486					1.486			1.486		
351	Nâng cấp đường khu C thôn Vĩnh Điềm Thượng, xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 07; 27/5/2022	1.200	1.080			1.080	-79			-79	1.001			1.001	1.001					1.001		1.001			
352	Nâng cấp vỉa hè phía Đông đường Trần Phú (đoạn từ đường Biệt Thự đến đường Hoàng Diệu)	Phường Lộc Thọ; Phường Vĩnh Nguyên	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 120 28/7/2022	14.200	14.200			14.200	-2.713			-2.713	11.487			11.487	11.487					11.487			11.400	87	
353	Nâng cấp đường số 03 Khóm Quốc Tuấn, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	UBND phường Phước Tân	NQ 96 28/7/2022	1.211	1.090			1.090	-96			-96	994			994	994					994			994		
354	Nâng cấp đường số 01 Khóm Máy Nước và các tuyến nhánh, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	UBND phường Phước Tân	NQ 97 28/7/2022	1.222	1.100			1.100	-449			-449	651			651	651					651			651		
355	Nâng cấp đường Nguyễn Thái Học, đường Nguyễn Hồng Sơn (đoạn từ đường Hà Ra đến đường Vạn Hòa), phường Vạn Thạnh	Phường Vạn Thạnh	UBND Phường Vạn Thạnh	NQ 86 28/7/2022	4.890	4.890			4.890	-690			-690	4.200			4.200	4.200					4.200			4.200		
356	Nâng cấp đường Trương Thị Kiền, phường Vĩnh Hòa	phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 151 07/10/2022	1.200	1.200			1.200	-85			-85	1.115			1.115		1.115				1.115			1.115		
357	Nâng cấp đường và bờ kè sông Tắc qua khu tái định cư Thủy Tú, Vĩnh Thái	Xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 162 07/10/2022	4.300	4.300			4.300	-3.254			-3.254	1.046			1.046	1.046					1.046				1.046	
358	Cải tạo vỉa hè, mặt đường và nâng cấp hệ thống thoát nước đường Tháp Bà, phường Vĩnh Thọ	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 158 07/10/2022	4.270	4.270			4.270	-370			-370	3.900			3.900	3.900					3.900			3.795	105	
359	Đảo giao thông ngã 6	thành phố Nha Trang	Công ty CPMTĐT Nha Trang	NQ 152 07/10/2022	6.500	6.500			6.500	-191			-191	6.309			6.309	6.309					6.309			6.309		
360	Duy tu, sửa chữa đường Thái Khang, đường Bình Hòa, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 157 07/10/2022	9.206	9.200			9.200	1.695			1.695	10.895			10.895	10.895					10.895				10.895	
361	Nâng cấp, cải tạo đường Trần Kim Hùng	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 160; 30/10/2020	1.200	628			628					628			628	628					628	628				
362	Sửa chữa hạ tầng khu tái định cư Đất Lành	Xã Phước Đồng	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 175; 24/12/2021	2.600	2.600			2.600	-463			-463	2.137			2.137	2.137					2.137		2.137			
363	Nâng cấp đường Phạm Hồng Thái, Nguyễn Gia Thiều	Phường Vạn Thạnh	UBND Phường Vạn Thạnh	NQ 138; 30/10/2020	1.537	1.492			1.492	8			8	1.500			1.500	1.500					1.500		1.500			
364	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Khắc Viện, phường Vĩnh Hòa (đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến đường Nguyễn Chích)	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 29; 30/7/2020	2.987	2.243			2.243					2.243			2.243	2.243					2.243	2.243				
10.3	**Chỉnh trang vỉa hè**																											
365	Chỉnh trang vỉa hè Phía Tây đường Phạm Văn Đồng (đoạn từ cầu Trần Phú đến Hòn Một)	Phường Vĩnh Phước - Vĩnh Hòa	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 24; 30/7/2020	6.200	5.556			5.556					5.556			5.556	5.556					5.556	5.556				
366	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường 2 tháng 4 và đường Trần Quý Cáp	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 170; 24/12/2021	21.249	20.765			20.765	-7.615			-7.615	13.150			13.150	13.150					13.150		2.000	11.150		
367	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường Lê Hồng Phong	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 171; 24/12/2021	17.035	17.000			17.000	-1.700			-1.700	15.300			15.300	15.300					15.300		2.800	11.500	1.000	
368	Nâng cấp lan can bờ sông, bờ biển thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 172; 24/12/2021	30.422	30.422			30.422	-24.422			-24.422	6.000			6.000	6.000					6.000				6.000	
369	Nâng cấp vỉa hè đường Phước Long	Phường Phước Long	UBND phường Phước Long	NQ 48; 27/5/2022	6.492	6.480			6.480	-280			-280	6.200			6.200	6.200					6.200			6.200		

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
370	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường Điện Biên Phủ	Phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 47; 27/5/2022	9.900	9.900			9.900	-3.666			-3.666	6.234			6.234	6.234					6.234			3.360	2.874	
371	Nâng cấp, cải tạo đường Lý Thánh Tôn - Phan Chu Trinh	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 50; 27/5/2022	14.986	14.850			14.850	-3.450			-3.450	11.400			11.400	11.400					11.400			10.000	1.400	
372	Sửa chữa, cải tạo đường Hai Bà Trưng	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 51; 27/5/2022	2.500	1.380			1.380	676			676	2.056			2.056	2.056					2.056				2.056	
373	Nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Phước Long	Thành phố Nha Trang	UBND phường Phước Long	NQ 45; 27/5/2022	2.800	2.800			2.800	-100			-100	2.700			2.700	2.700					2.700			2.700		
374	Nâng cấp vỉa hè đường Lê Đại Hành, phường Tân Lập	Phường Tân Lập	UBND phường Tân Lập	NQ 108; 10/9/2020	1.200	1.065			1.065					1.065			1.065	1.065					1.065	1.065				
375	Nâng cấp vỉa hè đường Hoàng Văn Thụ	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 148; 30/10/2020	6.100	3.111			3.111					3.111			3.111	3.111					3.111	3.111				
376	Nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Trung Trực, phường Tân Lập	Phường Tân Lập	UBND phường Tân Lập	NQ 108; 10/9/2020	900	546			546					546			546	546					546	546				
377	Nâng đường dạo ven biển (đoạn từ Nguyễn Bỉnh Khiêm đến 86 Trần Phú)	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 172; 10/12/2020	8.000	7.442			7.442					7.442			7.442	7.442					7.442	7.442				
378	Cải tạo vỉa hè đường Sinh Trung, phường Vạn Thạnh	Phường Vạn Thạnh	UBND Phường Vạn Thạnh	NQ 139; 30/10/2020	2.102	2.043			2.043					2.043			2.043	2.043					2.043	2.043				
379	Nâng cấp vỉa hè phía Đông đường Trần Phú (đoạn từ Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Biệt Thự)	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 151; 30/9/2021	14.900	14.900			14.900	-1.714			-1.714	13.186			13.186	13.186					13.186		13.000	99	87	
380	Sửa chữa, cải tạo vỉa hè đường Võ Văn Ký, Trần Đường, Bà Triệu	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 11; 20/01/2021	2.100	1.112			1.112					1.112			1.112	1.112					1.112	1.112				
381	Chỉnh trang vỉa hè đường Hoàng Hoa Thám, đường Xóm Cồn	Phường Lộc Thọ, phường Xương Huân	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ25; 30/7/2020	5.754	5.342			5.342					5.342			5.342	5.342					5.342	5.342				
382	Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước các tuyến đường hẻm còn lại tổ 3 Phương Sơn	Phường Phương Sơn	UBND P.Phương sơn	NQ 123 31/10/2023	2.030					1.930			1.930	1.930			1.930	1.930					1.930				1.930	
383	Nâng cấp, cải tạo đường Gò Da và các tuyến nhánh thôn Xuân Phú, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 124 31/10/2023	1.196					1.077			1.077	1.077			1.077	1.077					1.077				1.077	
384	Nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước hẻm 77 đường 2/4, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND P. Vĩnh Hòa	NQ 88 31/10/2023	2.900					2.755			2.755	2.755			2.755	2.755					2.755				2.755	
385	Cải tạo đường gom đường sắt khu dân cư hiện hữu thôn Vĩnh Điềm Thượng, vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 99 31/10/2023	2.680					2.412			2.412	2.412			2.412	2.412					2.412				2.412	
386	Sửa chữa đường vào Nghĩa trang phía Bắc, lò hỏa táng và đường vành đai bãi chôn lấp rác Lương Hòa, xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	UBND xã Vĩnh Lương	NQ 97 31/10/2023	4.000					3.800			3.800	3.800			3.800	3.800					3.800				3.800	
387	Nâng cấp hẻm 33 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Vĩnh Thọ	Phường Vĩnh Thọ	UBND P. Vĩnh Thọ	NQ 117 31/10/2023	500					450			450	450			450	450					450				450	
388	Nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước các tuyến hẻm tổ 3, 4 Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	UBND P. Vĩnh Hòa	NQ 122 31/10/2023	4.710					4.410			4.410	4.410			4.410	4.410					4.410				4.410	
389	Nâng cấp, cải tạo dải phân cách đường Trần Phú (đoạn từ cầu Trần Phú đến Hoàng Diệu)	Thành phố Nha Trang	BQL Dịch vụ công ích	NQ 96 31/10/2023	14.800					14.060			14.060	14.060			14.060	14.060					14.060				14.060	
390	Chỉnh trang hệ thống báo hiệu đường bộ các tuyến đường (cấp khu vực trở lên) trung tâm thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Phòng QLĐT	NQ 95 31/10/2023	3.433					3.260			3.260	3.260			3.260	3.260					3.260				3.260	
10.4	**Cầu**																											
391	Sửa chữa cầu Cửu Hàm	Xã Vĩnh Lương	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 171; 10/12/2020	3.100	3.005			3.005					3.005			3.005	3.005					3.005	105	2.900			
392	Duy tu, sửa chữa các cầu thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Phòng QLĐT	NQ 12; 20/01/2021	5.620	5.013			5.013	55			55	5.068			5.068	5.068					5.068	5.013	55			
393	Cải tạo, nâng cấp Cầu Ké theo hiện trạng	Xã Vĩnh Hiệp	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 20; 20/01/2021	5.800	5.200			5.200	800			800	6.000			6.000	6.000					6.000		1.300	4.500	200	
11	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**313.108**	**296.795**	**70.000**	**60.000**	**166.795**	**-162.464**		**60.000**	**-102.464**	**134.331**	**70.000**		**64.331**	**45.435**	**18.896**				**64.331**	**7.489**	**26.011**	**13.335**	**17.496**	
394	Gia cố bờ kè đường Nguyễn Văn Linh, khu dân cư Hòn Rớ 1	Xã Phước Đồng	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ151; 30/10/2020	20.000	15.962			15.962	650			650	16.612			16.612	2.365	14.247				16.612	5.212	11.400			

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
395	Kè chống sạt lở suối Lương Hòa, xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 26; 30/7/2020	48.660	43.660			43.660	-26.164			-26.164	17.496			17.496	17.496					17.496	1.174	6.322	10.000		
396	Kè chống sạt lở đường Phạm Văn Đồng, tổ 35 Sơn Hải, phường Vĩnh Thọ	Phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 190; 21/12/2022	2.600	2.600			2.600	-244			-244	2.356			2.356	2.356					2.356				2.356	
397	Kè chống sạc lở phía hạ lưu Sông Tháo, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 12; 27/5/2022	1.250	1.200			1.200	-165			-115	1.085			1.085	1.085					1.085		1.085			
398	Gia cố bờ suối Dù Di đoạn qua Trường Nguyễn Công Trứ, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 43; 27/5/2022	1.250	1.200			1.200	-150			-150	1.050			1.050	1.050					1.050		1.050			
399	Gia cố mái taluy mương thoát nước thôn Võ Cang, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 05; 27/5/2022	1.200	1.200			1.200	-88			-88	1.112			1.112	1.112					1.112			1.112		
400	Kênh tiêu mương Đầm, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 10; 27/5/2022	1.228	1.220			1.220	-109			-109	1.111			1.111	1.111					1.111		1.111			
401	Gia cố mái taluy và mương thoát nước phía hạ lưu tràn bê tông Miếu Thần Hoàng, thôn Phú Vinh 2, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 13; 27/5/2022	800	800			800	-36			-36	764			764	764					764		764			
402	Gia cố mái taluy mương thoát nước tổ 5 thôn Võ Dõng, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 147 07/10/2022	1.300	1.300			1.300	-191			-191	1.109			1.109		1.109				1.109			1.109		
403	Gia cố mái taluy đường vào Nghĩa trang Hòn Chuông thôn Xuân Sơn, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 135 07/10/2022	1.200	1.200			1.200	-86			-86	1.114			1.114	1.114					1.114			1.114		
404	Nạo vét, gia cố chống sạt lở bờ suối thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 58; 30/7/2020	2.800	2.800			2.800	-50			-50	2.750			2.750	2.750					2.750		2.750			
405	Kè chống sạt lở thượng, hạ lưu cầu Bầu Sa và gia cố mái taluy bảo vệ lề đường (hạ lưu thoát nước) đường Nguyễn Lương Bằng, đoạn từ Cty Hoàng Vân đến qua cầu Bầu Sa, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 11; 28/4/2023	6.600	6.600			6.600					6.600			6.600	6.600					6.600				6.600	
406	Kè chống sạt lở khu dân cư bờ tả suối Ngang, thôn Cát Lợi	Xã Vĩnh Lương	UBND xã Vĩnh Lương	NQ 182; 24/12/2021	1.950	1.950			1.950	-421			-421	1.529			1.529	1.529					1.529		1.529			
407	Kè Sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương)	Xã Vĩnh Trung, Vĩnh Phương, Vĩnh Thạnh, Vĩnh	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 87; 28/7/2021	206.853	200.000	70.000	60.000	70.000	-130.000		60.000	-70.000	70.000	70.000													
408	Kè chống sạt lở khu vực chân núi chùa Kỳ Viên	Phường Vĩnh Phước	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	QĐ 1776; 05/7/2018	14.217	14.000			14.000	-5.460			-5.460	8.540			8.540	5.000	3.540				8.540				8.540	
409	Kè chống sạt lở khu vực tổ 4, phường Phương Sơn	Phường Phương Sơn	UBND phường Phương Sơn	NQ 106; 10/9/2020	1.200	1.103			1.103					1.103			1.103	1.103					1.103	1.103				
12	**Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội**				**21.473**	**20.466**			**20.466**	**-345**			**-345**	**20.121**			**20.121**	**20.121**					**20.121**	**4.174**	**4.734**	**3.890**	**7.323**	
410	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Vạn Thạnh	Phường Vạn Thạnh	Công an thành phố	NQ 62; 30/7/2020	1.220	1.039			1.039					1.039			1.039	1.039					1.039	1.039				
411	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	Công an thành phố	NQ 184; 24/12/2021	1.200	1.200			1.200	-60			-60	1.140			1.140	1.140					1.140		1.140			
412	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	Công an thành phố	NQ 185; 24/12/2021	1.200	1.200			1.200	-92			-92	1.108			1.108	1.108					1.108		1.108			
413	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của công an thành phố	Phường Lộc Thọ	Công an thành phố	NQ 73 28/7/2022	2.900	2.900			2.900	-111			-111	2.789			2.789	2.789					2.789			2.789		
414	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của công an phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	Công an thành phố	NQ 74 28/7/2022	1.181	1.180			1.180	-79			-79	1.101			1.101	1.101					1.101			1.101		
415	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Tân Lập	Phường Tân Lập	Công an thành phố	NQ 59; 30/7/2020	1.220	930			930					930			930	930					930	930				
416	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Vạn Thắng	Phường Vạn Thắng	Công an thành phố	NQ 61; 30/7/2020	1.220	1.105			1.105					1.105			1.105	1.105					1.105	1.105				
417	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Đội Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an thành phố	Xã Phước Đồng	Công an thành phố	NQ 40 ; 28/4/2023	3.613	3.613			3.613	-89			-89	3.524			3.524	3.524					3.524				3.524	
418	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Phương Sài	Phường Phương Sài	Công an thành phố	NQ 60; 30/7/2020	1.220	1.100			1.100					1.100			1.100	1.100					1.100	1.100				
419	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Đội Cảnh sát Giao thông, Trật tự Công an thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Công an thành phố	NQ 73 12/7/2023	3.999	3.999			3.999	-200			-200	3.799			3.799	3.799					3.799				3.799	
420	Xây dựng tường rào và bếp ăn Nhà tạm giữ Công an thành phố	Phường Vĩnh Hải	Công an thành phố	NQ 57 23/6/2021	2.500	2.200			2.200	286			286	2.486			2.486	2.486					2.486		2.486			
13	**Quốc Phòng**				**40.596**	**30.695**			**30.695**	**7.617**			**7.617**	**38.312**			**38.312**	**38.312**					**38.312**	**2.431**	**8.502**		**27.379**	
421	Xây dựng công trình phòng thủ 2020	Thành phố Nha Trang	Ban CHQS thành phố	NQ 38; 26/3/2021	5.900	5.900			5.900	-300			-300	5.600			5.600	5.600					5.600				5.600	
422	Khu căn cứ chiến đấu phục vụ diễn tập, huấn luyện quân sự thành phố Nha Trang	Xã Phước Đồng	Ban CHQS thành phố	NQ 173 21/12/2022	12.155	12.155			12.155	-608			-608	11.547			11.547	11.547					11.547				11.547	
423	Xây dựng mới phòng làm việc và phòng nghỉ lực lượng dân quân của Ban chỉ huy Quân sự phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	Ban CHQS thành phố	NQ 90; 10/9/2020	1.250	1.224			1.224					1.224			1.224	1.224					1.224	1.224				
424	Nâng cấp, cải tạo hội trường, phòng hội trường và sơn mới trụ sở làm việc Ban CHQS thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Ban CHQS thành phố	NQ 36; 26/3/2021	1.230	975			975	86			86	1.061			1.061	1.061					1.061		1.061			
425	Cải tạo, sửa chữa nhà trực công trình quốc phòng, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	Ban CHQS thành phố	NQ 91; 10/9/2020	1.300	1.207			1.207					1.207			1.207	1.207					1.207	1.207				
426	Xây dựng nhà trực bảo vệ khu quân sự tại khu vực Núi San, phường Vĩnh Phước	Phường Vĩnh Phước	Ban CHQS thành phố	NQ 75 28/7/2022	1.214	1.214			1.214					1.214			1.214	1.214					1.214				1.214	
427	Nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Ban CHQS xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	Ban CHQS thành phố	NQ 130; 30/9/2021	1.100	1.100			1.100	-91			-91	1.009			1.009	1.009					1.009		1.009			
428	Nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Ban CHQS xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	Ban CHQS thành phố	NQ 131; 30/9/2021	1.300	1.300			1.300	-88			-88	1.212			1.212	1.212					1.212		1.212			

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
429	Nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Ban CHQS xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	Ban CHQS thành phố	NQ 132; 30/9/2021	1.300	1.300			1.300	-151			-151	1.149			1.149	1.149					1.149		1.149			
430	Nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Ban CHQS phường Vĩnh Nguyên	Phường Vĩnh Nguyên	Ban CHQS thành phố	NQ 133; 30/9/2021	1.300	1.300			1.300	-152			-152	1.148			1.148	1.148					1.148		1.148			
431	Duy tu bảo dưỡng công trình chiến đấu	Thành phố Nha Trang	Ban CHQS thành phố	NQ 09; 20/01/2021	350	320			320	-7			-7	313			313	313					313		313			
432	Xây dựng nhà nghỉ tập trung kết hợp trận địa phòng không của Ban Chỉ huy quân sự thành phố	Thành phố Nha Trang	BCH QS TP	NQ 127, 31/10/2023	7.268					6.900			6.900	6.900			6.900	6.900					6.900				6.900	
433	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm huấn luyện chiến đấu của LLVT thành phố	Thành phố Nha Trang	BCH QS TP	NQ 126; 31/10/2023	2.229					2.118			2.118	2.118			2.118	2.118					2.118				2.118	
434	Xây dựng kho vũ khí dạn	Thành phố Nha Trang	Ban CHQS thành phố	NQ 10; 20/01/2021	2.700	2.700			2.700	-90			-90	2.610			2.610	2.610					2.610		2.610			
14	**Môi trường**				**66.404**	**63.176**			**63.176**	**126**			**126**	**63.302**			**63.302**	**63.302**					**63.302**	**4.577**	**28.564**	**4.995**	**25.166**	
435	Mở rộng bãi chôn lấp Lương Hòa, xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	Công ty CPMTĐT Nha Trang	NQ 175; 24/12/2021	26.205	26.000			26.000	-1.300			-1.300	24.700			24.700	24.700					24.700				24.700	
436	Sửa chữa, cải tạo ô chôn lấp phía Nam, bãi chôn lấp Lương Hòa	Xã Vĩnh Lương	Cty CPMTĐT Nha Trang	NQ 71 28/7/2022	479	479			479	-13			-13	466			466	466					466				466	
437	Xử lý Bãi cọc nhà cháy Cồn Nhất Trí, phường Vĩnh Phước	Phường Vĩnh Phước	UBND phường Vĩnh Phước	NQ 84 28/7/2022	970	970			970	-55			-55	915			915	915					915			915		
438	Nâng cấp hồ điều hòa tại trạm xử lý nước rỉ rác Lương Hòa	Xã Vĩnh Lương	Cty CPMTĐT Nha Trang	NQ 28; 30/7/2020	23.100	20.472			20.472	1.690			1.690	22.162			22.162	22.162					22.162	472	21.690			
439	Nạo vét, gia cố mái taluy mương thoát lũ Hòn Rớ 1, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 19; 27/5/2022	4.500	4.500			4.500	-420			-420	4.080			4.080	4.080					4.080			4.080		
440	Cải tạo, sửa chữa và nạo vét hệ thống thoát nước tổ 8, 9 thôn Phú Thạnh, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 16; 27/5/2022	1.150	1.150			1.150	-98			-98	1.052			1.052	1.052					1.052		1.052			
441	Trạm quan trắc không khí tự động tại bãi chôn lấp rác Lương Hòa, xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	Phòng TNMT	NQ 177; 10/12/2020	10.000	9.605			9.605	322			322	9.927			9.927	9.927					9.927	4.105	5.822			
15	**Lĩnh vực khác**				**11.073**	**8.517**			**8.517**	**-578**			**-578**	**7.939**			**7.939**	**7.006**	**933**				**7.939**	**933**	**1.776**	**904**	**4.326**	
442	Trang bị xe ô tô bán tải chuyên dùng của BQLDV Công ích	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 38; 26/3/2021	1.100	1.070			1.070	-182			-182	888			888	888					888		888			
443	Đầu tư xây dựng nhà ở cho các hộ dân tại khu vực có nguy cơ sạt lở đất thuộc xã Phường và phường Vĩnh Trường	Thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	17335; 02/11/2021	2.642	190			190					190			190	190					190				190	
444	Trang bị xe ô tô cẩu kéo 3 tấn phục vụ công tác cứu hộ, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông	Thành phố Nha Trang	Phòng QLĐT	NQ 66; 12/7/2023	1.414	1.414			1.414					1.414			1.414	1.414					1.414				1.414	
445	Trang bị xe ô tô bán tải cho phòng Quản lý Đô thị	Thành phố Nha Trang	Phòng QLĐT	NQ 188 21/12/2022	910	910			910	-6			-6	904			904	904					904			904		
446	Trang bị xe ô tô bán tải chuyên dùng phục vụ tuyên truyền lưu thông	Thành phố Nha Trang	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ56 23/6/2021	1.057	1.000			1.000	-112			-112	888			888	888					888		888			
447	Trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ công ích của BQLDV Công ích	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 38; 26/3/2021	2.988	3.000			3.000	-278			-278	2.722			2.722	2.722					2.722				2.722	
448	Cải tạo bể trộn, lắng vội của trạm xử lý rác Lương Hòa	Xã Vĩnh Lương	Cty CPMTĐT Nha Trang	NQ 27; 30/7/2020	962	933			933					933			933		933				933	933				
16	**Hỗ trợ các xã (bao gồm nông thôn mới)**				**182.837**	**122.473**			**122.473**	**31.942**			**31.942**	**154.415**			**154.415**	**121.952**	**32.463**				**154.415**	**34.848**	**14.676**	**41.466**	**63.425**	
16.1	**Giao thông**				**56.898**	**48.418**			**48.418**	**-2.982**			**-2.982**	**45.436**			**45.436**	**36.825**	**8.611**				**45.436**	**9.168**	**2.217**	**13.004**	**21.047**	
449	Nâng cấp hẻm nhà ông Khắc thôn Phước Hạ, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 121; 10/9/2020	966	263			263					263			263	263					263		263			
450	Nâng cấp hẻm nhà bà Ánh thôn Phước Lộc, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 119; 10/9/2020	912	110			110					110			110	110					110	110				
451	Hệ thống thoát nước hẻm nhà ông Lang thôn Phước Điền, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 120; 10/9/2020	1.178	1.150			1.150					1.150			1.150		1.150				1.150	1.150				
452	Láng bê tông và hệ thống thoát nước đường nhà ông Điền, thôn Phước Lộc	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 118; 10/9/2020	1.200	1.012			1.012					1.012			1.012	1.012					1.012	1.012				
453	Cụm đường ngõ xóm thôn Hòn Nghê 1, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 142; 30/10/2020	900	585			585					585			585	585					585	585				
454	Nâng cấp các tuyến hẻm tổ 12, 13 thôn Vĩnh Điềm Thượng, xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 82 28/7/2022	1.200	1.080			1.080	-164			-164	916			916	916					916			916		
455	Nâng cấp, mở rộng đường liên thôn Cửu Hàm, xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	UBND xã Vĩnh Lương	NQ 92 28/7/2022	2.991	2.791			2.791	-374			-374	2.417			2.417	2.417					2.417				2.417	
456	Nâng cấp đường từ nhà Nguyễn Ngọc Tuấn đến nhà Hứa Ngọc Chiến thôn Ngọc Hội 2, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 100 28/7/2022	2.000	1.800			1.800	-143			-143	1.657			1.657	1.657					1.657			1.657		
457	Nâng cấp hẻm 296 (đoạn từ nhà Ngô Duy Kiêm đến nhà Nguyễn Ngọc Liêm) thôn Ngọc Hội 2, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 94 28/7/2022	2.850	2.565			2.565					2.565			2.565	2.565					2.565				2.565	
458	Nâng cấp các tuyến hẻm thôn Đắc Lộc 1, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 80 28/7/2022	809	728			728	-48			-48	680			680		680				680			680		
459	Nâng cấp đường và gia cố mái taluy đường từ nhà ông Thọ đến nhà bà Đèn, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 101 28/7/2022	1.100	990			990	-55			-55	935			935		935				935			935		
460	Nâng cấp các tuyến hẻm thôn Võ Dõng, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 119 28/7/2022	870	783			783	-3			-3	780			780	780					780				780	
461	Nâng cấp các tuyến đường hẻm thôn Trung, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 131 07/10/2022	1.200	1.080			1.080	-105			-105	975			975	975					975			975		
462	Nâng cấp các tuyến đường hẻm thôn Tây, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 132 07/10/2022	1.250	1.125			1.125	-132			-132	993			993	993					993			993		

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
							Trong đó:				Trong đó:							Trong đó:						Đã thực hiện 2021-2023		Kế hoạch	
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng số	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu	Nguồn vốn thành phố quản lý	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
463	Nâng cấp đường đi nhà ông Ánh thôn Phước Trung, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 133 07/10/2022	1.300	1.170			1.170	-205			-205	965			965		965				965			965		
464	Nâng cấp, cải tạo đường Mai An Tiêm và các tuyến nhánh, phường Vĩnh Phước	Phường Vĩnh Phước	UBND phường Vĩnh Phước	NQ 136 07/10/2022	1.200	1.100			1.100	-97			-97	1.003			1.003		1.003				1.003			1.003		
465	Nâng cấp đường đi nhà ông Toàn thôn Phước Lợi, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 134 07/10/2022	700	630			630	-52			-52	578			578		578				578			578		
466	Nâng cấp đường Diên An - Võ Dõng, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 144 07/10/2022	1.239	1.115			1.115	-113			-113	1.002			1.002	1.002					1.002			1.002		
467	Nâng cấp đường nhà bà Hoa đến đường Liên Hoa	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 161 07/10/2022	2.890	2.890			2.890	-304			-304	2.586			2.586		2.586				2.586			2.586		
468	Cụm đường ngõ xóm thôn Hòn Nghê 2, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 144; 30/10/2020	1.250	880			880					880			880	880					880	880				
469	Nâng cấp đường từ nhà ông Hiệp đến nhà ông Quang, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 62; 26/3/2021	1.230	883			883					883			883	883					883		883			
470	Nâng cấp các tuyến hẻm thôn Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 63; 26/3/2021	1.250	892			892					892			892	892					892	892				
471	Nâng cấp đường thôn Võ Dõng, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 64; 26/3/2021	1.250	871			871	-157			-157	714			714		714				714			714		
472	Nâng cấp các tuyến hẻm tổ 7, 10 thôn Vĩnh Châu, xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 59 26/3/2021	1.200	1.012			1.012					1.012			1.012	1.012					1.012	1.012				
473	Nâng cấp đường các tuyến hẻm thôn Vĩnh Điềm Thượng	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 61 26/3/2021	1.200	1.033			1.033					1.033			1.033	1.033					1.033	1.033				
474	Duy tu, sửa chữa đường Hòn Sưng thôn Như Xuân 1, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 24; 20/01/2021	1.050	739			739					739			739	739					739	739				
475	Nâng cấp hẻm 108 đường Xuân Lạc, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 150; 30/9/2021	1.250	1.050			1.050	21			21	1.071			1.071	1.071					1.071		1.071			
476	Duy tu sửa chữa đường bờ sông thôn Trung, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 183; 10/12/2020	1.200	867			867					867			867	867					867	867				
477	Nâng cấp đường Miếu Bà và các tuyến hẻm lân cận, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 183; 28/4/2023	1.250	1.125			1.125	-120			-120	1.005			1.005	1.005					1.005				1.005	
478	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước khu vực đường Đinh Vĩnh Xuân, xã Vĩnh Thái	Xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 183; 28/4/2023	3.300	3.100			3.100	-23			-23	3.077			3.077	3.077					3.077				3.077	
479	Nâng cấp đường Tô Ký, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 34 28/4/2023	980	882			882	-58			-58	824			824	824					824				824	
480	Nâng cấp đường thôn Phước Lộc (đoạn từ đường Đỗ Xuân Hợp đến đường Hoàng Minh Thảo), xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 33 28/4/2023	960	864			864	-48			-48	816			816	816					816				816	
481	Nâng cấp hẻm 1157 đường 23/10; hẻm Trường Mầm non Vĩnh Trung, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 29 28/4/2023	870	783			783	-47			-47	736			736	736					736				736	
482	Nâng cấp cụm hẻm thôn Đồng Nhơn, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 183; 28/4/2023	990	891			891	-77			-77	814			814	814					814				814	
483	Nâng cấp đường cạnh Trại Giam; đường Đỗ Xuân Hợp (nối dài), xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 25 28/4/2023	2.500	2.250			2.250	-228			-228	2.022			2.022	2.022					2.022				2.022	
484	Nâng cấp đường Trạm Điện, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 24 28/4/2023	2.600	2.340			2.340	-89			-89	2.251			2.251	2.251					2.251				2.251	
485	Nâng cấp đường đi nhà ông Tấn - ông Long, thôn Phước Trung, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 46 28/4/2023	1.020	918			918	-66			-66	852			852	852					852				852	
486	Nâng cấp đường vào trung tâm văn hóa xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 23 28/4/2023	843	843			843	-169			-169	674			674	674					674				674	
487	Nâng cấp đường Núi Cẩm 1, Vĩnh Thái (đoạn nối ra đường trung tâm xã Vĩnh Thái)	Xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 59; 12/7/2023	950	855			855	-43			-43	812			812	812					812				812	
488	Nâng cấp đường Thượng Mốc, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 57 12/7/2023	750	675			675	-83			-83	592			592	592					592				592	
489	Sửa chữa, cải tạo hẻm 56 đường Trung tâm xã, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 55, 12/7/2023	900	810			810					810			810	810					810				810	
490	Duy tu sửa chữa đường thôn Tây (đoạn còn lại), xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 184; 10/12/2020	1.350	888			888					888			888	888					888	888				
16.2	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**45.757**	**5.686**			**5.686**	37.633			37.633	43.319			**43.319**	**40.013**	**3.306**				**43.319**	**3.306**		**2.213**	**37.800**	
491	Kè chống sạt lở cầu bờ trản thôn Xuân Sơn, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 15 20/01/2021	1.240	1.104			1.104					1.104			1.104		1.104				1.104	1.104				
492	Gia cố chống xói lở đáy mương bờ suối đường Kháng Chiến, thôn Như Xuân 1, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 79 28/7/2022	1.150	1.150			1.150	-55			-55	1.095			1.095	1.095					1.095			1.095		
493	Sửa chữa Trần Cống Chiếc Đội 5, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 99 28/7/2022	1.230	1.230			1.230	-112			-112	1.118			1.118	1.118					1.118			1.118		
494	Gia cố bờ suối (khu vực từ phạm vi ngoài lộ giới Quốc lộ 1A đến nhà ông Dũng thôn Như Xuân 1), xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 25 20/01/2021	1.200	1.107			1.107					1.107			1.107		1.107				1.107	1.107				
495	Sửa chữa Kênh tưới Cái Tạo, Kênh Bờ Cây Khét và nâng cấp Kênh Vùng Mã (Đội 3), xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 121; 31/10/2023	1.230					1.230			1.230	1.230			1.230	1.230					1.230				1.230	
496	Kè chống sạt lở khu núi Chụt, tổ 3 Trường Hải, phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND xã Vĩnh Phương	NQ131, 31/10/2023	2.900					2.755			2.755	2.755			2.755	2.755					2.755				2.755	
497	Khắc phục sạt lở đường bao dân sinh tổ 1 đảo Trí Nguyên (đoạn nhà ông Tuấn đến nhà ông Tấn), phường Vĩnh Nguyên	Phường Vĩnh Nguyên	UBND P Vĩnh Nguyên	NQ 91; 31/10/2023	7.307					6.940			6.940	6.940			6.940	6.940					6.940				6.940	
498	Gia cố chống sạt lở bờ suối Gáo thôn Phước Tân - Phước Điền, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 102; 31/10/2023	9.500					9.025			9.025	9.025			9.025	9.025					9.025				9.025	
499	Gia cố chống sạt lở mái và mặt bờ tả kênh thoát lũ phía Tây khu dân cư Đường Đê, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	BQL các CTXD	NQ 90; 31/10/2023	14.500					13.770			13.770	13.770			13.770	13.770					13.770				13.770	
500	Sửa chữa, cải tạo Kênh thoát lũ phía Bắc Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa	Phường Vĩnh Hòa	BQL DV công ích	NQ 89; 31/10/2023	4.300					4.300			4.080	4.080			4.080	4.080					4.080				4.080	

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó: Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó: Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu	Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023: Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Kế hoạch: Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
501	Mở rộng phạm vi tường cánh của cửa xã thoát nước ra sông Quán Trường (khu vực giáp ranh nhà ông Lê Phước Thông tổ 1 thôn Phú Trung, xã Vĩnh Thạnh)	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 40; 30/7/2020	1.200	1.095			1.095					1.095			1.095		1.095				1.095	1.095				
16.3	**Văn hóa, thông tin**				**18.356**	**13.003**			**13.003**	**-421**			**-421**	**12.582**			**12.582**	**12.582**					**12.582**	**1.280**	**4.762**	**2.111**	**4.429**	
502	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 28; 20/01/2021	1.150	431			431					431			431	431					431	431				
503	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Ngọc Hội 2, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 91 28/7/2022	1.200	960			960	-127			-127	833			833	833					833				833	
504	Nâng cấp sân, lắp đặt thiết bị thể dục thể thao nhà văn hóa thôn Võ Dõng, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 93 28/7/2022	800	640			640	-33			-33	607			607	607					607			607		
505	Nâng cấp sân, tường rào nhà văn hóa thôn Vĩnh Điềm Trung, xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 89 28/7/2022	800	640			640	-47			-47	593			593	593					593			593		
506	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa và Thể thao, xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 83 28/7/2022	1.200	960			960	-49			-49	911			911	911					911			911		
507	Xây dựng tường rào, sân, lắp đặt thiết bị thể dục thể thao Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	UBND xã Vĩnh Lương	NQ 153; 30/9/2021	4.890	3.423			3.423	-51			-51	3.372			3.372	3.372					3.372		3.372			
508	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Thành Phát, Thành Đạt, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 140; 30/9/2021	1.200	840			840	-53			-53	787			787	787					787		787			
509	Cải tạo sửa chữa Nhà văn hóa thôn Phú Thạnh 1, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 65; 20/01/2021	1.200	560			560	43			43	603			603	603					603		603			
510	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Thạnh 2, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 56, 12/7/2023	983	786			786					786			786	786					786				786	
511	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Tây, xã Vĩnh Trương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 64, 12/7/2023	850	680			680	-41			-41	639			639	639					639				639	
512	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Như Xuân 2, xã Vĩnh Trương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 65, 12/7/2023	850	680			680	-41			-41	639			639	639					639				639	
513	Cải tạo, sửa chữa nhà tập luyện thi đấu thể thao xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ, 12/7/2023	950	760			760	16			16	776			776	776					776				776	
514	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Như Xuân 1, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 23; 20/01/2021	600	394			394					394			394	394					394	394				
515	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Bình	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 181; 8/4/2023	993	794			794	-38			-38	756			756	756					756				756	
516	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 22; 20/01/2021	690	455			455					455			455	455					455	455				
16.4	**Thương mại**				**3.742**	**3.088**			**3.088**	**-88**			**-88**	**3.000**			**3.000**	**3.000**					**3.000**	**548**		**2.452**		
517	Cải tạo, sửa chữa chợ Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 142; 07/10/2022	2.542	2.540			2.540	-88			-88	2.452			2.452	2.452					2.452			2.452		
518	Cải tạo, sửa chữa chợ Ga xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 181; 10/12/2020	1.200	548			548					548			548	548					548	548				
16.5	**Cấp nước, thoát nước**				**58.084**	**52.278**			**52.278**	**-2.200**			**-2.200**	**50.078**			**50.078**	**29.532**	**20.546**				**50.078**	**20.546**	**7.697**	**21.686**	**149**	
519	Hệ thống thoát nước hẻm 296 Lương Đình Của, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 127 10/9/2020	1.900	1.125			1.125					1.125			1.125		1.125				1.125	1.125				
520	Mương thoát nước từ nhà ông Tín ra đường Hoàn Minh Thảo, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 122 10/9/2020	1.200	281			281					281			281	281					281		281			
521	Hệ thống thoát nước hẻm 453 thôn Phú Nông Bắc, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 126 10/9/2020	1.100	924			924					924			924		924				924	924				
522	Hệ thống thoát nước 247 thôn Xuân Lạc 02, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 141 30/10/2020	1.500	1.125			1.125					1.125			1.125		1.125				1.125	1.125				
523	Hệ thống thoát nước cụm hẻm còn lại thôn Lương Sơn 2 và Võ Tánh 2, xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	UBND xã Vĩnh Lương	NQ 155 07/10/2022	10.819	10.819			10.819	-422			-422	10.397			10.397	10.397					10.397			10.248	149	
524	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực tổ dân phố Phước Hưng 1 và 2, phường Phước Long	Phường Phước Long	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 87 28/7/2022	6.000	6.000			6.000	-338			-338	5.662			5.662	5.662					5.662			5.662		
525	Hệ thống thoát nước thôn Phước Lộc, xã Phước Đồng	Xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 183; 24/12/2021	3.956	3.956			3.956	-556			-556	3.400			3.400	3.400					3.400		3.400			
526	Hệ thống thoát nước nhà Hồ Mạnh - Rọc Lát, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 90 28/7/2022	6.100	6.100			6.100	-324			-324	5.776			5.776	5.776					5.776			5.776		
527	Hệ thống thoát nước hẻm 164 đường Cầu Dừa, Phú Nông	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 128 10/9/2020	1.900	1.581			1.581					1.581			1.581		1.581				1.581	1.581				
528	Hệ thống thoát nước hẻm ông Phan Văn Bằng đến bà Trần Thị Trinh thôn Xuân Lạc 01, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 124 10/9/2020	1.400	1.099			1.099					1.099			1.099		1.099				1.099	1.099				
529	Hệ thống thoát nước đường từ nhà ông Phạm Đình Hồng đến nhà ông Võ Đình Mỹ, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 125 10/9/2020	1.250	1.112			1.112					1.112			1.112		1.112				1.112	1.112				
530	Hệ thống thoát nước hẻm 305 thôn Ngọc Hội 1, xã Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 30 20/01/2021	1.250	1.109			1.109					1.109			1.109		1.109				1.109	1.109				
531	Hệ thống thoát nước đoạn nhà ông Đường đến Nguyễn Văn Xuân thôn Xuân Lạc	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 143 30/10/2020	1.250	1.108			1.108					1.108			1.108		1.108				1.108	1.108				
532	Hệ thống thoát nước đường Lương Định Của (đoạn qua thôn Ngọc Hội 1, xã Vĩnh Ngọc)	Xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 29 20/01/2021	1.250	1.067			1.067					1.067			1.067		1.067				1.067	1.067				
533	Hệ thống thoát nước hẻm 1320 đường 23/10, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 14 20/01/2021	1.200	1.070			1.070					1.070			1.070		1.070				1.070	1.070				
534	Hệ thống thoát nước tổ 7 thôn Phú Thạnh 3, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 39; 30/7/2020	1.075	987			987					987			987		987				987	987				
535	Hệ thống thoát nước từ nhà ông Lê Văn Luông đến nhà ông Thành, thôn Vĩnh Điềm Trung	Xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 19 20/01/2021	1.200	938			938					938			938		938				938	938				
536	Hệ thống thoát nước thôn Thái Thông 1, xã Vĩnh Thái	Xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 187; 10/12/2020	1.200	1.065			1.065					1.065			1.065		1.065				1.065	1.065				
537	Hệ thống thoát nước đường Núi Cấm, xã Vĩnh Thái	Xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 185; 10/12/2020	1.800	1.090			1.090					1.090			1.090		1.090				1.090	1.090				
538	Hệ thống thoát nước Trường Mầm non Vĩnh Xuân, xã Vĩnh Thái	Xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 186 ; 24/12/2021	1.250	1.250			1.250	-140			-140	1.110			1.110	1.110					1.110		1.110			

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
				Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
							Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)				**3.524.285**	**2.962.620**	**70.000**	**92.620**	**2.800.000**	**-57.479**		**-57.479**		**2.905.141**	**70.000**	**35.141**	**2.800.000**	**1.742.486**	**780.722**	**177.328**	**50.000**	**49.464**	**2.800.000**	**268.054**	**328.281**	**381.041**	**1.822.624**	
539	Hệ thống thoát nước Trường Mầm non Ước Mơ Việt, xã Vĩnh Thái	Xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 186; 10/12/2020	1.000	945			945					945			945	945					945		945			
540	Hệ thống thoát hẻm 136 Chính Hữu, xã Vĩnh Lương	Xã Vĩnh Lương	UBND xã Vĩnh Lương	NQ 136; 30/10/2020	1.250	1.083			1.083					1.083			1.083		1.083				1.083	1.083				
541	Hệ thống thoát nước hẻm sông Đình, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 31; 20/01/2021	1.220	1.095			1.095	-5			-5	1.090			1.090		1.090				1.090	1.090				
542	Hệ thống thoát nước từ nhà ông Nguyễn Thành Tâm đến nhà bà Phạm Thị Hương, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 33; 20/01/2021	864	789			789					789			789		789				789	789				
543	Hệ thống thoát nước đoạn từ hẻm 659 đến cây xăng dầu 26 đường Lương Định Của, xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 32 20/01/2021	1.250	1.100			1.100					1.100			1.100		1.100				1.100	1.100				
544	Hệ thống thoát nước từ nhà Nguyễn Thị Thơ đến nhà ông Trần Văn Dân thôn Trung, xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 26; 20/01/2021	1.200	1.084			1.084					1.084			1.084		1.084				1.084	1.084				
545	Nâng cấp đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn bờ tràn Bầu Đục) và hệ thống thoát nước (đoạn từ Bưu điện đến đường thôn Trung), xã Vĩnh Phương	Xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 27; 20/01/2021	2.700	2.376			2.376	-415			-415	1.961			1.961	1.961					1.961		1.961			
III	**Khác**				**1.287.297**	**1.054.889**			**1.054.889**	**112.195**			**112.195**	**1.167.084**			**1.167.084**	**317.650**	**580.342**	**177.328**	**50.000**	**41.764**	**1.167.084**	**8.744**	**13.233**	**52.528**	**1.092.579**	
1	Trả nợ Quỹ đất theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của HĐND tỉnh,									43.000			43.000	43.000			43.000	43.000					43.000	8.000	11.000	8.000	16.000	Chi tiết theo từng năm
2	Nguồn trích lại 12% nguồn thu tiền SDĐ tại Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh		UBND các xã, phường							102.180			102.180	102.180			102.180	102.180					102.180			31.980	70.200	
3	Chờ giao vốn, thanh toán công nợ quyết toán dự án hoàn thành					395.292			395.292	-386.367			-386.367	8.925			8.925	5.977	2.948				8.925	744	2.233	1.948	4.000	
4	**Các dự án trọng điểm**				**1.007.297**	**379.597**			**379.597**	**438.153**			**438.153**	**817.750**			**817.750**	**11.000**	**537.658**	**177.328**	**50.000**	**41.764**	**817.750**			**10.600**	**807.150**	
4.1	Cầu Phú Kiểng	Xã Vĩnh Ngọc	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	Kết luận số 314-KL/TU 19/12/2022 BCH Đảng bộ TP	477.000					380.000			380.000	380.000			380.000	1.000	379.000				380.000				380.000	
4.2	Trung tâm hành chính TP Nha Trang	Phường Lộc Thọ	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 192 21/12/2022	304.597	304.597			304.597	-53.997			-53.997	250.600			250.600		73.272	177.328			250.600			600	250.000	
4.3	Xây dựng mới Trường THCS Thái Nguyên	Phường Lộc Thọ	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 51 23/6/2021	85.700	75.000			75.000					75.000			75.000	10.000	23.236			41.764	75.000			10.000	65.000	
4.4	Cơ sở hạ tầng khu dân cư xã Vĩnh Trung - xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Thái, xã Vĩnh Hiệp	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	TB 521 07/12/2021	140.000					112.150			112.150	112.150			112.150		62.150		50.000		112.150				112.150	
5	**Dự phòng chi**				**280.000**	**280.000**			**280.000**	**-84.771**			**-84.771**	**195.229**			**195.229**	**155.493**	**39.736**				**195.229**				**195.229**	

VO T. KHANH

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC DỰ ÁN DỪNG, GIÃN TIẾN ĐỘ SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND thành phố Nha Trang)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã thông qua tại các Nghị Quyết: 168, 52, 59, 126, 193, 47, 82						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)									Chi tiết phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
			Số Nghị quyết	Tổng mức đầu tư	Tổng các nguồn	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng các nguồn	Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý	Trong đó:					Nguồn vốn thành phố quản lý	Đã thực hiện 2021-2023			Kế hoạch	
						Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý		Nguồn vốn TW	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý	Nguồn vốn thành phố quản lý					Vốn phân cấp	Tiền SDĐ các năm	Tăng thu tiền SDĐ 2022	Vốn đóng góp	Vốn bổ sung mục tiêu		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 - 2025	
	TỔNG SỐ (A+B)			**552.624**	**439.867**	**70.000**	**60.000**	**309.867**	**-338.040**		**-60.000**	**-278.040**	**101.827**	**70.000**		**31.827**	**31.827**					**31.827**	**1.505**	**6.322**	**10.000**	**14.000**	
A	**DỰ ÁN GIÃN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**			**543.348**	**432.255**	**70.000**	**60.000**	**302.255**	**-330.428**		**-60.000**	**-270.428**	**101.827**	**70.000**		**31.827**	**31.827**					**31.827**	**1.505**	**6.322**	**10.000**	**14.000**	
1	Khu TĐC Phước Hạ (giai đoạn 2)	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	QĐ 2290, 04/9/2014	178.000	80.000			80.000	-80.000			-80.000															
2	Trụ sở UBND phường Phước Hải	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 15; 10/7/2017	17.571	17.000			17.000	-16.000			-16.000	1.000			1.000	1.000					1.000				1.000	
3	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND phường Vĩnh Hải	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 16; 31/7/2019	32.000	31.331			31.331	-26.000			-26.000	5.331			5.331	5.331					5.331	331			5.000	
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu TĐC Chò Vò, phường Ngọc Hiệp	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 12/7/2023	14.921	14.921			14.921	-13.921			-13.921	1.000			1.000	1.000					1.000				1.000	
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu TĐC Chò Vò, phường Ngọc Hiệp	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 12/7/2023	14.921	14.921			14.921	-13.921			-13.921	1.000			1.000	1.000					1.000				1.000	
6	Kè chống sạt lở suối Lương Hòa, xã Vĩnh Lương	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 26; 30/7/2020	48.660	43.660			43.660	-26.164			-26.164	17.496			17.496	17.496					17.496	1.174	6.322	10.000		
7	Nâng cấp lan can bờ sông, bờ biển thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 172; 24/12/2021	30.422	30.422			30.422	-24.422			-24.422	6.000			6.000	6.000					6.000				6.000	
8	Kè Sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương)	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 87; 28/7/2021	206.853	200.000	70.000	60.000	70.000	-130.000		-60.000	-70.000	70.000	70.000													
B	**DỰ ÁN DỪNG THỰC HIỆN**			**9.276**	**7.612**			**7.612**	**-7.612**			**-7.612**															
1	Trạm biến áp 160 kVA cấp điện cho Trung tâm Tập luyện và Thi đấu Thể thao thành phố Nha Trang	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 94; 10/9/2020	1.210	1.150			1.150	-1.150			-1.150															
2	Triển khai thí điểm (app) Công dân số tương tác phục vụ người dân thành phố Nha Trang	Phòng VH&TT	NQ 25/12/2022	3.214	3.214			3.214	-3.214			-3.214															
3	Trang bị phòng họp không giấy tờ phục vụ HĐND và UBND thành phố	Văn phòng HĐND & UBND thành phố	NQ 81 12/7/2023	3.214	1.648			1.648	-1.648			-1.648															
4	Nâng cấp hệ thống truyền thanh của Trung tâm VHTTTT	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 65, 30/10/2020	1.638	1.600			1.600	-1.600			-1.600															